

1. Đất nằm trong hành lang bảo vệ công trình (đường bộ, đường sắt, đường thủy, hành lang đê, hành lang an toàn điện...) theo Thông tư hướng dẫn và quy định của các bộ, ngành trung ương. Việc bồi thường được xem xét cụ thể tùy từng trường hợp theo pháp luật quy định do UBND tỉnh quyết định khi nhà nước thu hồi đất.

2. Đất được nhà nước giao đang sử dụng khi nhà nước thu hồi để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và mục đích phát triển kinh tế trong trường hợp xây dựng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các dự án đầu tư lớn theo quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ- CP sẽ được bồi thường theo quy định hiện hành của Trung ương và địa phương.

### **Điều 5 .**

Giá đất mới được ban hành không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

1. Giao đất cho nhân dân làm nhà ở đã có quyết định và nộp tiền trước ngày 01/01/2006.

2. Tính thuế chuyên quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ đã làm thủ tục trước ngày 01/01/2006.

3. Thu hồi đất đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng trước ngày 01/01/2006.

### **Điều 6.**

Khi giá đất thị trường biến động lớn, cao hơn hoặc thấp hơn mức giá qui định và những khu vực, vị trí còn thiếu trong bảng giá đất thì Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị báo cáo Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Sở Tài chính có trách nhiệm thường xuyên theo dõi sự biến động của giá đất thị trường và hướng dẫn kiểm tra các huyện, thành, thị, thực hiện đúng quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài chính để tập hợp trình UBND tỉnh xem xét và điều chỉnh.

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Ngô Đức Vượng (đã ký)**

**BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP**Đvt: đ/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Xã, phường, thị trấn		
		Đồng bằng	Trung du	Miền núi
<b>1</b>	<b>Đất trồng cây hàng năm</b>			
	Hạng 1	31.200	24.000	12.200
	Hạng 2	26.100	20.100	10.200
	Hạng 3	21.100	16.200	8.200
	Hạng 4	15.900	12.200	6.200
	Hạng 5	10.400	8.000	4.100
	Hạng 6	5.600	4.300	2.200
<b>2</b>	<b>Đất vườn, ao xen kẽ trong khu vực đất ở nông thôn (bìa đỏ có ghi sử dụng lâu dài nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp GCN đất ở) tăng 2 lần so với hạng đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cùng vùng, nhưng không được cao hơn giá đất ở liền kề khu vực đó</b>			
<b>3</b>	<b>Đất vườn, ao xen kẽ trong đô thị không được quy hoạch là đất ở hoặc đất phi nông nghiệp khác tăng 2 lần so với hạng đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cùng vùng, nhưng không được cao hơn giá đất ở liền kề trong đô thị</b>			
<b>4</b>	<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>			
	Hạng 1	27.400	16.600	6.100
	Hạng 2	23.000	13.900	5.100
	Hạng 3	18.500	11.200	4.100
	Hạng 4	14.000	8.500	3.100
	Hạng 5	9.100	5.500	2.000
	Hạng 6	5.000	3.000	1.100
<b>5</b>	<b>Đất trồng cây lâu năm</b>			
	Hạng 1	38.300	25.200	11.600
	Hạng 2	32.100	21.100	9.700
	Hạng 3	25.900	17.000	7.800
	Hạng 4	19.500	12.800	5.900
	Hạng 5	12.800	8.400	3.900

<b>6</b>	<b>Đất rừng sản xuất</b>			
	Hạng 1	13.400	7.800	5.500
	Hạng 2	11.200	6.500	4.600
	Hạng 3	9.100	5.300	3.700
	Hạng 4	7.000	4.000	2.800
	Hạng 5	4.500	2.600	1.800
<b>7</b>	<b>Đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng</b>			
	Hạng 1	12.060	7.020	4.950
	Hạng 2	10.080	5.850	4.140
	Hạng 3	8.190	4.770	3.330
	Hạng 4	6.300	3.600	2.520
	Hạng 5	4.050	2.340	1.620

Ghi chú: Thành phố Việt Trì giá đất nông nghiệp áp dụng xã đồng bằng, các khu vực khác theo quy định hiện hành

## BẢNG GIÁ ĐẤT THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ

DVT: đồng/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở NÔNG THÔN</b>	
	<b>Xã Trung Vương</b>	-
1	. Đường A-B từ đường C đi trung tâm Khuyến nông	500,000
2	. Đường A1-B1 đi đường C đến nhà ông Khắc	700,000
3	. Đường A2-B2 từ đường C đi khu tập thể Thủy lợi cũ	450,000
4	. Đường Z-H-E đi từ trụ sở Liên đoàn lao động tỉnh tới cổng Sở Lương thực cũ	450,000
5	. Đường E-M-N từ cổng Sở lương thực cũ đến Trường Chính trị Thành phố	250,000
6	. Đường B2-C từ cổng ông Khắc đến cổng nhà ông Trò	450,000
7	. Khu dân cư đôi thú y cũ	170,000
8	. Khu dân cư đôi Bình Hải	150,000
9	. Đất thuộc Trung tâm xã, chợ	105,000
10	. Đất 2 bên đường liên thôn	85,000
11	. Đất còn lại	70,000
	<b>Xã Vân Phú</b>	-
1	<b>Khu 1</b>	-
	. Đất băng 2, đường QL2	1,000,000
	. Đất băng 1, đường QL 32C đến đường rẽ trạm xá Quân khu	1,500,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	400,000
2	<b>Khu 2</b>	-
	. Đất băng 1, đường QL 32C từ đường rẽ trạm xá Quân khu đến giáp xã Hy Cương	1,500,000
	. Hai bên đường, đoạn từ 32C đến giáp đường nội thị Vân Phú - Thụy Vân	500,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000
3	<b>Khu 3</b>	-
	Đoạn đường liên thôn từ QL2 đến giáp tuyến đường nội thị Vân Phú - Thụy Vân	1,500,000
	. Đất còn lại ở các đường nhánh	1,000,000
	. Đất các ngõ hẻm còn lại	400,000
4	<b>Khu 4</b>	-
	. Các ngõ nhánh (trừ băng 1 của đường QL2)	800,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	400,000
5	<b>Khu 5</b>	-
	. Hai bên đường đoạn từ trại giam đến Dữu Lâu, Phượng Lâu	1,000,000
	. Đất các đoạn đường ngõ, nhánh	800,000
	. Đất còn lại	400,000
6	<b>Khu 6</b>	-
	. Đoạn từ giáp phường Vân Cơ qua UBND xã Vân Phú đến ngã 4 cổng nhà ông Nguyễn	1,200,000

	. Đoạn đường từ ngã 4 đi khu 8 giáp Phụng Lâu	800,000
	. Đoạn đường từ cây đa đến bờ Luông và đoạn đường từ trạm bơm đến công Đình	800,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	200,000
7	<b>Khu 7</b>	-
	. Đoạn đường từ UBND xã Vân Phú đi trại giam Phú Đức	800,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000
8	<b>Khu 8</b>	-
	. Đoạn từ ngã tư đi Phụng Lâu	640,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000
<b>Xã Minh Nông</b>		-
1	<b>Khu Xóm Minh Tân</b>	-
	. Đoạn từ đường Hùng Vương đến hội trường Minh Tân	720,000
	. Đoạn từ hội trường Minh Tân đến đường Sông Thao	290,000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương ven theo đồng đến ngã 3 lối rẽ lên hội trường Xóm	720,000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương ven theo đồng đến nhà ông Thề	600,000
	. Các đường còn lại trong xóm	190,000
2	<b>Khu Xóm Thông Đậu</b>	-
	. Đoạn từ kho vật tư đến dốc Thông Đậu (đến hết nhà ông Ngang, ông Hoàn)	720,000
	. Đoạn từ dốc Thông Đậu đến đường Sông Thao	215,000
	. Đoạn từ ngã 4 (ông Vân + ông Phong) theo ven đồng rẽ ra lò gạch ông Dụ	155,000
	. Các đường còn lại trong xóm Thông Đậu	115,000
3	<b>Khu xóm Minh Bột</b>	-
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến nhà bà Thịnh	288,000
	. Đoạn từ đường QL2 đến nhà bà Khuyên	360,000
	. Đoạn từ ngõ nhà bà Khuyên đến đường rẽ lên hội trường xóm Minh Bột	288,000
	. Đoạn đường mặt trong đê trục đường 324	288,000
	. Các đường còn lại trong xóm Minh Bột	130,000
4	<b>Khu xóm Hòa Phong</b>	-
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến cổng trường tiểu học	288,000
	. Đoạn từ đường Sông Thao 9 lối rẽ công nhà ông Hiền + ông Sáu) đến cổng trường tiểu học	288,000
	. Các đường còn lại trong xóm Hòa Phong	115,000
5	<b>Khu xóm Hồng Hải</b>	-
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến hết cổng nhà ông Yển	288,000
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến hết nhà bà Bằng, ra đê	288,000
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến hết đất nhà ông Khoa, ông Đồng	288,000
	. Đất khu dân cư thuộc xóm Hồng Hải ( Trong đê)	110,000
	. Đất khu dân cư thuộc xóm Hồng Hải ( Ngoài đê)	90,000
<b>Xã Thụy Vân</b>		-
	. Đất thuộc trung tâm xã, khu vực gần chợ	105,000

	. Đất hai bên đường liên thôn	85,000
	. Đất còn lại	70,000
	<b>Xã Phụng lâu</b>	-
	. Đất thuộc trung tâm xã	115,000
	. Đất hai bên đường liên thôn	85,000
	. Đất còn lại	70,000
	<b>Xã Sông Lô</b>	-
	. Đất có mặt tiền giáp QL2 (đê Sông Lô) đi cầu Việt Trì	1,000,000
	. Đất thuộc trung tâm xã + cầu Việt Trì cũ ra QL2	105,000
	. Đất hai bên đường liên thôn	85,000
	. Đất còn lại	70,000
	<b>Xã Minh phương</b>	-
	. Đoạn đường từ ngã 3 trung tu ô tô đến cổng nhà ông Lâm	240,000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương đến đình Vân Cơ	260,000
	. Đoạn từ đường Sông Thao qua cổng trường THCS Minh phương đến ngã 3	480,000
	. Các đường giao thông chính các khu Cao Đại, Lu Minh, Tân Phương, Trung Phương, Vân Cơ và Liên Phương	120,000
	. Đoạn đường từ đường Sông Thao đến cổng CT TNHH Toàn Năng	480,000
	. Đất còn lại phía trong đường chính của các khu	90,000
<b>II</b>	<b>Đất Sản xuất , Kinh doanh phi nông nghiệp tại Nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó.</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng , an ninh ; đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó;	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất;	
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ</b>	
<b>A</b>	<b>Các tuyến đường chính</b>	
<b>1</b>	<b>Đường Hùng Vương</b>	
	. Đoạn từ A3 đến nút A11	5,000,000
	. Đoạn từ A2 đến nút A3	4,500,000
	. Đoạn từ A11 đến cầu Nang	4,500,000
	. Đoạn từ Cầu Nang đến ngã ba Đền Hùng	4,000,000
	. Đoạn từ nút A2 đến đầu cầu Việt Trì	3,000,000
<b>2</b>	<b>Đoạn đường Bưu điện Tỉnh qua chợ Trung tâm Việt Trì đến đường Trần Phú</b>	6,000,000
<b>3</b>	<b>Đường Nguyễn Tất Thành</b>	-
	. Từ nút A2 đến nút C10	4,000,000
<b>4</b>	<b>Đường Hoà Phong</b>	-
	. Đoạn A9 C9	5,000,000
<b>5</b>	<b>Đường Châu Phong</b>	-
	. Đoạn A8 C8	4,000,000
	. Đoạn từ C8 đến hồ Đài Phát thanh truyền hình Tỉnh	2,500,000

6	<b>Đường Trần Phú</b>	-
	. Đoạn từ A7 đến C7	5,000,000
	. Đoạn từ C7 đến D7	3,000,000
	. Đoạn từ D7 đến đê Sông Lô	2,500,000
7	<b>Đường Âu Cơ (Toàn tuyến)</b>	3,500,000
8	<b>Đường Hai Bà Trưng</b>	-
	. Từ đường Sông Thao đến đường Nguyễn Tất Thành	3,500,000
9	<b>Đường Trần Nguyên Hãn</b>	-
	. Từ công Nhà máy Giấy đến đường Nguyễn Tất Thành	3,000,000
10	<b>Đường Hà Huy Tập</b>	-
	. Từ đường Hùng Vương qua sau Ngân hàng, Kho bạc đến đường sắt	3,000,000
11	<b>Đường Thanh Xuân</b>	-
	. Đoạn từ đường Trần Phú đến số nhà 106 tổ 4D khu 19	2,500,000
	. Đoạn từ giáp số nhà 106 tổ 4D khu 19 đến tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1,500,000
12	<b>Đường Lê Quý Đôn</b>	-
	. Từ đường Hùng Vương đến tiếp đường Nhi Đồng	3,000,000
13	<b>Đường Kim Đồng</b>	-
	. Từ đường Hùng Vương đến đường Nhi đồng	2,500,000
14	<b>Đường Đoàn Kết</b>	-
	. Từ Công an Tiên Cát đến đường Sông Thao	3,000,000
15	<b>Đường Công Nhân</b>	-
	. Từ A10 qua cổng nhà máy Dệt đến đường Sông Thao	3,000,000
16	<b>Đường vào khu Công nghiệp Thụy Vân</b>	-
	. Từ đường Hùng Vương đến cổng khu Công nghiệp	3,000,000
17	<b>Đường Tân Bình</b>	-
	. Từ tiếp giáp đường Trần Phú đến đường Châu Phong	3,000,000
18	<b>Đường Nguyễn Du</b>	-
	. Đoạn từ đường Hùng Vương đến bờ ao	3,000,000
	. Từ cây xăng Dữu lâu đến công nghĩa trang Dữu lâu	1,000,000
	. Từ công nghĩa trang Dữu lâu đến giáp P. Nông trang	500,000
	. Từ bờ ao đến giáp phường Dữu lâu	500,000
19	<b>Đường 20 . 7</b>	-
	Đoạn từ giáp đường Nguyễn Du đến ngã 4 đôi Ông To	2,000,000
	Từ lương thực Vân cơ đến hết tường rào Trường đào tạo công nhân Kỹ Thuật Xây Dựng	1,000,000
20	<b>Đường Sông Thao</b>	-
	Từ A2 A3 đến nút A11 (Toàn tuyến)	1,500,000
21	<b>Trục đường Bạch Hạc</b>	-
	Từ Cầu Việt Trì đến đê Bầu Sao	1,000,000
22	<b>Đường Du Lịch Bạch hạc – Bến gót</b>	1,000,000
<b>B</b>	<b>Các tuyến đường xã, phường</b>	-
	<b>PHƯỜNG BẠCH HẠC</b>	-
1	<b>Phố Châu Phong</b>	-

	Đoạn từ đầu cầu cũ đi toa đen	200,000
	Ngõ từ giáp hành lang cầu đến nhà ông khai	250,000
	. Trục đường Chùa Bi	200,000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào hết khu tập thể Cty cổ phần cơ khí Giao thông Phú Thọ	200,000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào hết khu tập thể Cty cổ phần Vận tải đường sông Phú Thọ	200,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	120,000
2	<b>Phố Bạch Hạc</b>	-
	. Ven đường kè Du lịch Bạch Hạc	250,000
	. Trục đường Trần Nhật Duật	245,000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc (Ông Hảo) đến nhà Bà Thu	200,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	120,000
3	<b>Phố Đoàn Kết</b>	-
	. Ven bờ kè Bạch Hạc	250,000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào khu tập thể xí nghiệp mộc Bạch Hạc	250,000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào khu Lò vôi cũ	250,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	120,000
4	<b>Khu Vực Mộ Thượng</b>	-
	. Trục đường Trần Nhật Duật	150,000
	. Ngõ từ đường Du lịch qua xóm mới Mộ Thượng đến đường Nhị Hà	150,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	120,000
5	<b>Khu vực Lăng Đài</b>	-
	. Trục đường Nhị Hà	500,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	120,000
6	<b>Khu vực mộ Hạ</b>	-
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc đến nhà Ông Thắng	200,000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc đến nhà Ông San	200,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000
7	<b>Khu tái định cư</b>	-
	. Băng mặt đường (băng 1)	500,000
	. Các băng còn lại	300,000
<b>PHƯỜNG VĂN CƠ</b>		-
1	<b>Đường Bạch Đằng</b>	-
	. Đoạn từ nút A12 đến Cty xây dựng công nghiệp	1,680,000
2	<b>Đường Nguyễn Viết Xuân</b>	-
	. Đoạn từ cây xăng Phủ Đức vào đường tàu cắt ngang đi XN Gà	1,680,000
3	<b>Khu phố 1</b>	-
	. Đoạn đường từ Hùng Vương vào cổng nhà ông Triệu Tổ 1B	840,000
	. Từ tiếp giáp nhà ông Quý đến nhà văn hoá khu 1	840,000
	. Ngõ từ nhà ông Huân qua nhà ông Tuý tổ 1B	420,000
	. Ngõ từ nhà ông Chi qua nhà bà Hà ra đường sắt tổ 1C	630,000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 1B, 1C	315,000
	. Đoạn đường từ nhà bà Thu vào cổng xí nghiệp Gà	315,000



	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 1A	210,000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 2	315,000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 3	150,000
	. Đoạn đường từ nhà bà Trinh tới nhà ông Chi Phán	210,000
	. Đoạn đường từ nhà ông Chi đến nhà ông Lu tổ 3A	150,000
4	<b>Khu phố 2</b>	-
	. Đường từ khách sạn Hoàng Long vào ao Cty Việt Hà	1,260,000
	. Đoạn đường từ ao Cty Việt Hà vào cổng Trường THCS Vân phú	630,000
	. Đoạn đường từ tiếp đường Hùng Vương vào nhà trẻ Hoa Sen	600,000
	. Các ngõ hẻm sau Bách Hoá xi măng tổ 6 + 8	210,000
	. Đoạn đường bưu điện Vân Cơ vào cổng Chi cục dự trữ	210,000
	. Ngõ hẻm còn lại sau tổ 9	150,000
	. Đường Hồ Xuân Hương: Từ UBND phường Vân Cơ đến hết nhà ông Vinh	840,000
	. Đoạn từ cửa hàng kim khí tiếp giáp đường Hồ Xuân Hương	330,000
	. Đoạn từ nhà ông Dự đến tiếp giáp đường Hồ Xuân Hương	420,000
	. Các ngõ hẻm còn lại thuộc tổ 5, tổ 7, tổ 10	210,000
5	<b>Khu phố 3</b>	-
	. Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,260,000
	. Đoạn tiếp giáp đường Nguyễn Văn Trỗi qua Cty may đến nhà ông Hưng (nhà trẻ Cty đường bộ)	840,000
	. Đoạn từ Đại lộ Hùng Vương vào khu tập thể Cty ô tô	840,000
	. Đoạn từ tiệm vàng Công Tuấn đi nghĩa trang Minh Phương	420,000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 15 + 16	210,000
	. Ngõ từ nhà ông Hưng song song đường sắt đến nhà ông Minh	315,000
	. Các ngõ tập thể Cty đường bộ cũ tổ 17B	315,000
	. Ngõ từ nhà ông Thành Đăng vào nhà ông Minh Như tổ 14	420,000
	. Ngõ tiếp giáp đường Nguyễn Văn Trỗi vào Trạm biến thế cát sỏi	210,000
	. Ngõ tiếp giáp đường Nguyễn Văn Trỗi vào qua nhà bà Thái	210,000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 14A + 14B	150,000
6	<b>Khu phố 4</b>	-
	. Đoạn từ Cty xây dựng công nghiệp đến Trại giam	840,000
	. Đường Trần Quốc Toản đến cổng trường tiểu học Vân Cơ	840,000
	. Đường Ngô Tất Tố đến cổng Công ty cơ giới 14	840,000
	. Đoạn từ đường Bạch Đằng đến nhà ông Hiệu	525,000
	. Ngõ Hoà Bình từ Cty Việt Hùng vào trường THCS Vân Cơ	420,000
	. Ngõ từ XN cơ giới 14 đến nhà ông Thống	420,000
	. Ngõ sau trường tiểu học và THCS Vân Cơ	210,000
	. Ngõ hẻm Cty xây dựng công nghiệp	210,000
	. Các ngõ hẻm còn lại tại khu 4	150,000
7	<b>Khu phố 5</b>	-
	. Đường Tô Vĩnh Diện: Từ A12 đến dốc đội xe Thủy lợi cũ	1,700,000
	. Từ đội xe Thủy lợi đến hết kho xăng dầu	840,000
	. Đoạn từ nhà ông Thịnh đến nhà ông Phúc tổ 4A	150,000
	. Đoạn từ nhà bà Hạt Khôi vào nhà bà Nga Thăng	150,000

	. Đoạn từ nhà ông Chính Tấn vào nhà ông Bình Thụ	150,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000
	<b>PHƯỜNG NÔNG TRANG</b>	-
<b>1</b>	<b><i>Các tuyến đường lớn</i></b>	-
	. Đường Nguyễn Du từ nút A10 hết đường nhựa nhà ông Biển	3,000,000
	. Đường Hoàng Hoa Thám	2,000,000
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương vào cổng Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ	2,000,000
	. Đoạn từ tiếp giáp đường Nguyễn Du đến cổng trường Đinh Tiên Hoàng	2,000,000
	. Đoạn từ cổng trường Đinh Tiên Hoàng đến ngã tư (Ông To)	2,000,000
<b>2</b>	<b><i>Khu phố 1A</i></b>	-
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua bui điện Nông Trang vào khu 1A (đến đường ngang sau rạp Hoà Phong)	850,000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua UBND phường Nông Trang vào khu 1A (đến nhà ông Phan Đình To)	850,000
	. Đường từ đường Hùng Vương qua cổng Cty Ong vào khu 1A đến đường ra Đình Nông Trang	850,000
	. Đường ngang khu 1A ( từ rạp Hoà Phong đến dốc ngược)	700,000
	. Đường từ đường Hoà Phong (từ A9.C9) qua nhà ông Thuật, nhà ông Chúc đến điểm rẽ Đình Nông Trang	700,000
	. Đường khu 1A, 1B	700,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000
<b>3</b>	<b><i>Khu 1B</i></b>	-
	. Đường từ nút C9 đường sắt đi Hương Tràm (Dữu Lâu)	700,000
	. Đoạn từ tiếp giáp đường C9 đi Hương Tràm qua nhà ông Bình (Tổ trưởng 9B) đến nhà ông Quý tổ 9A	700,000
	. Đoạn từ tiếp giáp đường C9 đi Hương Tràm qua nhà ông Tuấn (Thành đội) đến hết khu tập thể Cty may cũ	700,000
	. Các ngõ hẻm khu 1B	150,000
<b>4</b>	<b><i>Khu phố 2A</i></b>	-
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua cổng chợ Nông Trang đến đường 20-7	2,000,000
	. Đường từ A10-C10 ven tường bệnh viện Dệt đến nhà ông Minh	900,000
	. Đoạn nối từ A10-C10 đường vào cổng Tỉnh đội (qua cấp 2 Dệt)	700,000
	. Đường tiếp giáp đường 20/7 (nhà ông Viện tổ 17 đến gặp đường sau cổng Tỉnh đội)	900,000
	. Đường từ đại lộ Hùng Vương (nhà ông Hải) đến nhà ông Minh (cả đường trên và dưới)	700,000
	. Ngõ tiếp giáp đường đi 20/7 qua Bệnh xá Tỉnh đội cũ vòng ra nhà ông Công trường khu 2A	500,000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 2A	150,000
<b>5</b>	<b><i>Khu phố 2B</i></b>	-
	. Đường tiếp giáp từ đường Hùng Vương đến đình Nông Trang	950,000
	. Đường từ tiếp giáp vào cổng Tỉnh đội xuống nhà ông Hải	800,000
	. Ngõ từ sau cổng Tỉnh đội xuống trường tiểu học Nông Trang cũ vòng ra đường sắt về cổng sau Tỉnh đội	800,000

	. Ngõ nối đường qua BHYT vào Tỉnh đội và từ Tỉnh đội xuống dốc ngược	600,000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 2B	150,000
6	<b>Khu phố 3</b>	-
	. Đường tiếp giáp đường đi Cty xây dựng hạ tầng vào hết nhà trẻ Hoa Sen (khu Lâm Thắng)	800,000
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Sen ra đường sắt (gianh giới khu 3.4) đến đường rẽ khu 5	500,000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 3	150,000
7	<b>Khu phố 4</b>	-
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Sen vòng sau qua nhà ông Long ra đường sắt đến tiếp giáp khu 3	350,000
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Sen đến tiếp giáp khu 6B	350,000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 4	150,000
8	<b>Khu phố 5</b>	-
	. Ngõ từ đường sắt qua cổng nhà ông Thứ đi Dữu Lâu	500,000
	. Ngõ từ đường sắt qua nhà trẻ Hoa Phượng đến hết đường khu 5	300,000
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Phượng vòng qua nhà ông Huệ (trưởng khu cũ) đến hết đường	300,000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 5	150,000
9	<b>Khu phố 6A</b>	-
	. Đoạn từ đường Hùng Vương vòng sau chợ Nông Trang qua nhà ông Cát (trưởng khu 6A cũ) đến cổng sau chợ	700,000
	. Ngõ từ tiếp giáp đường Hùng Vương qua nhà ông Tâm (trưởng khu cũ) đến nhà ông Trương Nga	350,000
	. Đường chia khu 6A – 6C	350,000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 6A	150,000
10	<b>Khu phố 6B</b>	-
	. Đường từ ngã tư đôi Ông To đi qua trường đào tạo Công nhân kỹ thuật xây dựng (băng 1 Ông To đến đường sắt)	1,500,000
	. Đường từ tiếp giáp đường 20/7 vào tổ 68 qua trạm y tế đến hết đường	350,000
	. Đường ven trường đào tạo Công nhân xây dựng qua nhà bà Mậu (tổ trưởng 70A) ra đôi Ông To	250,000
	. Đường nội bộ đôi Ông to	250,000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 6B	150,000
11	<b>Khu phố 6C</b>	-
	. Đoạn từ đường Hùng Vương (Cty lương thực Vân Cơ) đến ngã tư đôi Ông To đi đường sắt (trại giam)	1,000,000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua phòng khám Đa khoa phía bắc đến tường rào Cty xây dựng Hạ tầng	700,000
	. Các ngõ hẻm còn lại của khu 6C	150,000
12	<b>Khu phố 7</b>	-
	. Đường từ đường Hùng Vương qua HTX giấy nền Việt Hà cũ ra đường Sông Thao	700,000
	. Đường nối từ đường vào HTX giấy nền Việt Hà cũ qua nhà trẻ Hoa Hồng đến H10 – Từ nhà trẻ đến nhà ông Nghị	700,000

	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 7	150,000
13	<b>Khu phố 8</b>	-
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương qua trạm biến áp ao cá Dệt	1,000,000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương (Công an cứu hỏa) vào đường ven ao cá Dệt ra đường Hùng Vương (đến nhà Ông Ngô Đức Thành)	700,000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương (điểm đối diện Cty Ong) vào đến đường ven ao cá Dệt	700,000
	. Đường tiếp giáp đường Sông Thao qua nhà ông Đích đến giáp xã Minh Nông	250,000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 8	150,000
<b>PHƯỜNG TIÊN CÁT</b>		-
1	<b>Các tuyến đường lớn</b>	-
	. Đoạn từ đường Âu Cơ đến cổng trường Chính trị Tỉnh	2,800,000
	. Đoạn từ UBND phường Tiên Cát đến Trung tâm GDTX	2,500,000
	. Từ tiếp giáp đường Hùng Vương (công Cty xuất nhập khẩu) đến ngã 3 đài Truyền thanh Việt Trì cũ	2,000,000
	. Từ Hải quan Việt Trì dọc đường sắt đến chợ Trung tâm	2,100,000
	. Từ đại lộ Hùng Vương qua công Cty bia Hồng Hà ra đường Sông Thao	1,500,000
	. Từ đại lộ Hùng Vương đi qua đường sắt vào cổng Máy xay cũ	1,500,000
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Cty Bê tông Vật Liệu XD	2,000,000
2	<b>Khu phố Thành Công</b>	-
	. Đoạn từ cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên qua trường Văn hoá nghệ thuật đến đường công viên Văn Lang	1,200,000
	. Đoạn từ cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên qua đê Hàng và đến đường công viên Văn Lang	1,200,000
	. Đoạn từ cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên đến ngã 3 tổ 38	800,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000
3	<b>Khu phố Tiên Sơn</b>	-
	. Từ cổng Đảng uỷ cơ quan tỉnh qua nhà thờ họ Lưu đến đường nam công viên Văn Lang	1,300,000
	. Từ ngã 3 nhà thờ họ Lưu qua hội trường khu đến đường nam công viên Văn Lang	1,000,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000
4	<b>Khu phố Đoàn Kết</b>	-
	. Từ đại lộ Hùng Vương đến tập thể Vật liệu chất đốt cũ	1,200,000
	. Từ đại lộ Hùng Vương đến Cổng trường tiểu học Chính Nghĩa	1,000,000
	. Từ ngã 3 Công an phường Tiên Cát qua nhà thờ Họ Giáo đến tiếp giáp khu tái định cư tổ 17	1,000,000
	. Từ ngã 3 đi dọc bờ tường bột giặt VIMEX đến đường Đoàn Kết	1,000,000
	. Từ khu tái định cư tổ 17 đến đường Sông Thao	1,500,000
	. Các ngõ hẻm còn lại trong đê	400,000
	. Các ngõ hẻm còn lại ngoài đê	300,000
5	<b>Khu phố Minh Hà</b>	-
	. Các ngõ còn lại (thuộc bảng 2)	1,500,000
6	<b>Khu phố Mai Sơn II</b>	-

	. Các đường khu Mai Sơn II	800,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000
7	<b>Khu phố Hồng Hà</b>	-
	. Đường Tiên Dung đến lối rẽ vào tổ 4A song song với đường sắt	1,200,000
	. Đường Tiên Dung	800,000
	. Từ đường Ngọc Hoa song song với đường sắt đến lối rẽ vào tổ 4A qua hội trường khu ra đường Sông Thao	1,000,000
	. Các ngõ hẻm còn lại Trong đê	400,000
	. Các ngõ hẻm còn lại Ngoài đê	300,000
8	<b>Khu phố Sông Thao</b>	-
	. Từ đường Ngọc Hoa vào đến ngã 3 tổ 7 và tổ 10A + 10B đến cổng Cty Bê tông vật liệu xây dựng	1,000,000
	. Từ đường Ngọc Hoa vào tổ 8B	900,000
	. Các ngõ hẻm còn lại trong đê	400,000
	. Các ngõ hẻm còn lại ngoài đê	300,000
9	<b>Khu phố Thi Đua</b>	-
	. Từ UBND phường Tiên Cát đến ngã 3 tiếp giáp tổ 36	2,000,000
	. Từ ngã 3 giáp tổ 36 qua hội trường khu đến đường Tiên Sơn	1,000,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000
10	<b>Khu phố Tiên Phong</b>	-
	. Từ đại lộ Hùng Vương vào đến đê Moi	1,000,000
	. Từ đại lộ Hùng Vương vào đến trường tiểu học Tiên Cát	1,300,000
	. Từ trường tiểu học Tiên Cát đến đê Hàng và các ngõ còn lại	500,000
11	<b>Khu phố Thọ Mai</b>	-
	. Đoạn từ Trường Chính trị đến đường Nam công viên Văn Lang	1,000,000
	. Đoạn từ đường Âu Cơ đến đường nam công viên Văn Lang	1,200,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000
12	<b>Khu phố Gát</b>	-
	. Khu vực trong đê thuộc tổ 3 và tổ 5	500,000
	. Các ngõ hẻm còn lại (tổ 1 + tổ 2) trong đê	400,000
	. Các ngõ hẻm còn (tổ 1 + tổ 2) lại ngoài đê	300,000
13	<b>Khu phố Mai Sơn I</b>	-
	. Đoạn từ Trường Chính trị đến đường Nam công viên Văn Lang	1,000,000
	. Đoạn từ Trường Chính trị vòng lên hội trường khu tiếp giáp đường Âu Cơ	800,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000
14	<b>Khu phố Anh Dũng</b>	-
	. Đoạn từ cổng Cty Bê tông ven tường rào Cty Bê tông đến đường Sông Thao	1,000,000
	. Đoạn từ tiếp giáp đường vào cổng Cty Bê tông đến hết sân văn hoá thể thao của khu	1,000,000
	. Khu tổ 13	800,000
	. Tổ 14A đến đường Sông Thao	1,500,000
	. Còn lại của tổ 14A	1,000,000
	. Cổng Cty Bê tông song song đường sắt đến cung đường ngang	1,000,000

	. Đòng Hùng Vương đến tiếp giáp tổ 14 khu Anh Dũng	900,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000
15	<b>Khu phố Âu Cơ</b>	-
	. Từ đường Âu Cơ theo tường rào UBND thành phố ra đến đường Hùng Vương	1,200,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000
16	<b>Khu phố Tiên Phú</b>	-
	. Từ ngã 3 Truyền thanh đến đường Tiên Sơn	1,200,000
	. Đường từ ngã 3 Truyền thanh qua tập thể Công ty 26 đến hội trường khu	1,500,000
	. Các đường khu Tiên Phú	1,200,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500,000
<b>PHƯỜNG BẾN GÓT</b>		-
1	<b>Khu phố Việt Hưng</b>	-
	. Đoạn đường A3H3 đến lối rẽ ra đường Hùng Vương (Đường đi cổng sau chợ Gát)	1,600,000
	. Đoạn từ lối rẽ đường Hùng Vương đến chợ Gát	1,500,000
	. Đoạn đường đi chợ Gát rẽ ra đường sắt (tổ 2 phố Việt Hưng)	840,000
	. Đường bao quanh tổ 5 Việt Hưng	210,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000
2	<b>Khu phố Hoà Bình 1 + 2</b>	-
	. Đoạn từ A2A3 quốc lộ 2 cũ (Cổng chùa Hoà Bình)	840,000
	. Đoạn tiếp giáp QL2 cũ đi xí nghiệp đường sắt (Cổng đình làng Việt Trì)	420,000
	. Đoạn từ cổng Cty đường sắt đến cổng đỏ (Tổ 18 Kiến Thiết)	510,000
	. Đoạn từ nút A2 đi xã Sông Lô	210,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000
3	<b>Khu phố Kiến Thiết</b>	-
	. Đoạn tiếp giáp A2A3 đến cổng Cty Than	525,000
	. Ngõ bao quanh phố	210,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000
4	<b>Khu phố Hồng Hà 1 + 2</b>	-
	. Từ Công an phường Bến Gót đến trại Thanh Hà	525,000
	. Băng 2 khu ga Việt Trì	525,000
	. Băng 2 khu cảng Việt Trì	525,000
	. Cửa ga Việt Trì đi Bến Gót đường 19,5m	840,000
	. Bưu điện ga Việt Trì đi Bến Gót	525,000
	. Xí nghiệp Vật tư đường sắt đi bờ đê Sông Hồng	840,000
	. Đoạn đường ký túc xá PăngRim	840,000
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến trạm thực phẩm cũ (tổ 22)	840,000
	. Ngõ bao quanh phố	210,000
	. Ngõ hẻm còn lại	150,000
<b>PHƯỜNG TÂN DÂN</b>		-
1	<b>Các tuyến đường rẽ từ đường Nguyễn Tất Thành</b>	-
	. Đường từ LĐLĐ tỉnh đến nhà bà Tích tổ 9 Tân Việt	500,000

	. Đường từ BHXH tỉnh đến nhà ông Chính Tân Việt	1,000,000
	. Đường từ hộ ông Giảng tổ 5B đến tiếp giáp đường Trần Phú phía sau Tỉnh uỷ	1,000,000
	. Đường Trung Vương (tiếp giáp đường Trần Phú đến cổng trường Chính trị thành phố)	2,500,000
	. Đường 13m khu Tân Tiến nối từ đường Tân Bình sang đường Nguyễn Tất Thành	1,500,000
	. Đường khu dân cư đôi Ong Vàng (sau bệnh viện tỉnh)	2,500,000
2	<b>Khu phố Tân An</b>	-
	. Từ tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành đến nhà bà Loan giáp đường Văn Lang rộng 10m khu tổ 22	1,500,000
	. Đoạn từ nhà ông Chuỳ tổ 22 đến nhà ông Ngọc	800,000
	. Đoạn từ nhà ông Chung tổ 22 đến nhà ông Thành	800,000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu dân cư tổ 22	400,000
	. Các ngõ hẻm khu tổ 26B phía sau nhà (ông Diễm) ông Thụ	1,000,000
	. Đường bao quanh đôi Mâm Xôi Khu tổ 24 + 25 + 26A	1,500,000
	. Đường từ nhà ông Kim Minh đến tiếp giáp đường bao quanh đôi Mâm Xôi	1,000,000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 24 – 25 đôi Mâm Xôi	500,000
	. Bể nhà ông Trụ và nhà ông Kiệm	500,000
	. Ngõ hẻm nhà bà An Tĩnh tổ 25	300,000
	. Ngõ nhà ông Kế Duyệt tổ 25 Tân An	300,000
	. Đường khu tổ 20B từ nhà ông Tuấn đến nhà ông Tân	1,000,000
	. Đường khu tổ 19B từ nhà ông Việt đến tiếp giáp đường Châu Phong (khu giáo viên trường chuyên Hùng Vương)	1,500,000
	. Đường từ nhà ông Quang giáo viên trường chuyên Hùng Vương đến nhà ông Vàng	1,000,000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu vực phố Tân An	500,000
3	<b>Khu phố Tân Tiến</b>	-
	. Đường khu tổ 18B từ nhà bà Thanh Cảnh đến nhà ông Nhu và từ nhà bà Ngọ đến nhà bà Đù	500,000
	. Đường từ nhà ông Thanh đến nhà bà Tài và phía sau Sở xây dựng, Sở giáo dục, Tòa án tỉnh	500,000
	. Đường từ Công an phường Tân Dân đến nhà ông Cửu Bình	1,000,000
	. Đoạn từ nhà bà Giao tổ 17A đến nhà ông Mậu	1,000,000
	. Đoạn từ nhà ông Sinh tổ 15A đến nhà bà Bình giáp hộ ông Nhạc Tiến chạy dọc phía sau khối cơ quan	1,000,000
	. Đường ngang từ đường Tân Bình sang đường Nguyễn Tất Thành (từ Mặt trận tổ quốc tỉnh đến nhà bà Toan)	1,000,000
	. Đường ngang từ đường Tân Bình sang đường Nguyễn Tất Thành (khu tổ 14 giữa Sở Tài nguyên và môi trường và Viện kiểm soát)	1,000,000
	. Đoạn từ nhà ông Huyền tổ 11 đến nhà ông Nam tổ 12	1,000,000
	. Đường rộng 6,5m + 7m trong khu dân cư phố Tân Tiến	500,000
	. Các ngõ hẻm còn lại trong khu dân cư phố Tân Tiến	300,000
4	<b>Khu phố Tân Phú</b>	-

	. Đường khu tổ 23 sau trường Dự bị Đại Học từ nhà ông Sơn đến nhà ông Tự	1,500,000
	. Đoạn từ nhà bà Hiên đến nhà bà Nga tổ 27B	1,000,000
	. Đường rộng 11m khu tổ 29A+29B thuộc băng 2+3 đôi Gò Cạn	1,000,000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu đôi Gò Cạn	500,000
	. Khu trại C tổ 28A từ nhà ông Xuyên đến nhà ông Khoản	1,000,000
	. Băng 2 khu trại C và các ngõ hẻm còn lại	500,000
	. Đoạn từ tiếp giáp đường Trần Phú xuống chợ Tân Dân	2,000,000
5	<b>Khu phố Tân Thành</b>	-
	. Đoạn từ nhà ông Minh Xuân đến nhà ông Khoa	700,000
	. Đoạn từ nhà bà Thanh đến nhà bà Hữu khu Trâm Mộc	500,000
	. Đoạn từ nhà ông Lan đến giáp nhà ông Bình Năm	700,000
	. Các đường ngõ phía sau đài Truyền thanh tỉnh tổ 7A+7B từ nhà ông Tinh đến nhà ông Quân, nhà ông Đoái xuống đến giáp cơ quan đài Truyền hình	500,000
	. Đoạn từ công đài Truyền hình tỉnh đến giáp nhà ông Thạch tổ 7a đường Tân Đức	500,000
	. Đoạn từ nhà ông Cường Dung đến nhà ông Thạch tổ 2 và nhà ông Ngư đến nhà bà Thuận	400,000
	. Các ngõ hẻm còn lại phố Tân Thành	300,000
6	<b>Khu phố Tân Việt</b>	-
	. Đường Tân Việt từ tiếp giáp đường Trần Phú đến nhà ông Hùng tổ 5A	700,000
	. Đoạn từ nhà ông Nhung đến tiểu đoàn 2 lữ đoàn 297	600,000
	. Đoạn tiếp giáp phía sau nhà ông Hùng xuống qua nhà ông Đăng đến Miếu	400,000
	. Các ngõ hẻm còn lại của khu phố Tân Việt	200,000
	. Tiếp giáp nhà ông Chính đến nhà ông Bo	500,000
	. Đường từ ngã 4 đài Truyền hình (trước nhà ông Minh Xuân đến khu C)	200,000
	. Đường quy hoạch khu đê Then Cửa Đình	200,000
<b>PHƯỜNG THANH MIẾU</b>		-
1	<b>Đường Đôi Cam</b>	-
	. Từ cây xăng Thanh miếu đến tiếp giáp đường Hùng Vương (thuộc khu 4 + 6 + 7 + 9)	1,000,000
2	<b>Đường Thanh Bình</b>	-
	. Từ tiếp giáp Trần Nguyên Hãn đến tiếp giáp đường Đôi Cam	500,000
3	<b>Đường lý Tự Trọng</b>	-
	. Từ nhà ông Triệu đến trường mầm non Cty Giấy (khu 1+2+3+4)	1,600,000
	. Từ trường mầm non Cty Giấy đến công trường THPT Công nghiệp (thuộc khu 3)	840,000
4	<b>Đường Thanh Hà</b>	-
	. Từ tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành đến tiếp giáp đường Trần Nguyên Hãn (thuộc khu 5+6)	210,000
5	<b>Các con đường khác trong khu dân cư</b>	-



	. Từ tiếp giáp Trần Nguyên Hãn qua UBND phường Thanh Miếu đến đường Nguyễn Tất Thành (thuộc khu 6+9)	840,000
	. Từ tiếp giáp đường Hùng Vương qua trạm xá phường Thanh Miếu đến đường Nguyễn Tất Thành (thuộc khu 7+11+12)	210,000
	. Từ đường Hùng Vương qua nhà ông San, ông Quý đến tiếp giáp đường Lý Tự Trọng (thuộc khu 1+2)	560,000
	. Các đường vòng quanh phố thuộc băng 1 của các khu dân cư	210,000
	. Các ngõ hẻm còn lại 14 khu	150,000
	<b>PHƯỜNG GIA CẨM</b>	-
<b>1</b>	<b><i>Đại lộ Hùng Vương</i></b>	-
	. Đoạn đường ngõ 1879 và ngõ 1923	1,050,000
	. Đoạn đường ngõ 1620 và ngõ 1642	720,000
	. Đoạn đường ngõ 2173	540,000
	. Đoạn đường ngõ 1783 và ngõ 1538	420,000
	. Đoạn đường ngõ 1655 và ngõ 1679	340,000
	. Đoạn đường ngõ 1548	260,000
	. Đoạn đường các ngõ 1631, 1643, 1719, 1771, 2112 và các hẻm còn lại	240,000
<b>2</b>	<b><i>Đường Đoàn Kết</i></b>	-
	. Đoạn đường ngõ 128	420,000
	. Đoạn đường các ngõ 24, 22, 12 và ngõ 102	240,000
<b>3</b>	<b><i>Đường Trần Phú</i></b>	-
	. Đoạn đường ngõ 23B	630,000
	. Đoạn đường ngõ 23A	300,000
	. Đoạn đường các hẻm còn lại	160,000
<b>4</b>	<b><i>Đường Hòa Phong</i></b>	-
	. Đoạn đường ngõ 2	1,050,000
	. Đoạn đường các ngõ 40 và ngõ 54	630,000
	. Đoạn đường các ngõ 68 và ngõ 88	520,000
	. Đoạn đường ngõ 102	420,000
	. Đoạn đường các hẻm còn lại	360,000
<b>5</b>	<b><i>Đường Châu Phong</i></b>	-
	. Đoạn đường các ngõ 303, 317, 346 và ngõ 356	260,000
	. Đoạn đường các ngõ 301, 438, 386, 409, 417 và ngõ 457	210,000
	. Đoạn đường các hẻm còn lại	170,000
<b>6</b>	<b><i>Đường Thanh Xuân</i></b>	-
	. Đoạn đường các ngõ 61 (từ số 02 đến 20) và ngõ 78	630,000
	. Đoạn đường ngõ 111	450,000
	. Đoạn đường các ngõ 15, 29, 43, 26, 44, 121, 125, ngõ 61 (từ số 02 đến hẻm 6) và hẻm 1+2 ngõ 111	370,000
	. Đoạn đường ngõ 188, 174, 180, 183, 184, 186, 221, 249	310,000
	. Đoạn đường các ngõ 141 và ngõ 167	260,000
	. Đoạn đường các ngõ 86, 92, 130, 146, 77, 194, 200, 206, 216, 288, 127, 139, 299 và các hẻm còn lại	170,000

7	<b>Đường Lê Quý Đôn</b>	-
	. Từ Sở Khoa học môi trường đến đường sắt	2,000,000
	. Từ số 252 (bà Lân) đến số 354 (bà Tám)	320,000
	. Đoạn đường ngõ 02	520,000
	. Đoạn đường ngõ 186, 126, 188, 94, 226	420,000
	. Đoạn đường các ngõ 250 và ngõ 210	325,000
	. Đoạn đường các ngõ 81, 113, 284, 316 và ngõ 354	260,000
	. Đoạn đường ngõ 71	210,000
	. Đoạn đường các ngõ 20, 52, 62, 23 và ngõ 53	180,000
	. Đoạn đường các ngõ 254, 231, 167 và các hẻm còn lại	150,000
8	<b>Đường Kim Đồng</b>	-
	. Đoạn đường các ngõ 22, 49, 41 và ngõ 35	210,000
9	<b>Đường Võ Thị Sáu</b>	-
	. Đoạn đường từ số 01 đến 27 và từ số 02 đến 28	2,500,000
10	<b>Đường Lê Văn Tám</b>	-
	. Đoạn đường từ số 02 đến 28	2,000,000
11	<b>Đường Nhi Đồng</b>	-
	. Đoạn đường từ số 02 đến 20	2,500,000
	. Đoạn đường ngõ từ số 02 (ông Bang) đến số 36 (bà Khương)	840,000
	. Đoạn đường ngõ 30A	260,000
	. Đoạn đường các ngõ 20, 22, 31 và ngõ 30B và ngõ 36	210,000
12	<b>Đường Phan Chu Trinh</b>	-
	. Đoạn đường từ số 02-24, 1-9, 13-29, 1-132, 73-105	2,000,000
	. Đoạn đường các ngõ 71, 75, 41 và ngõ 49	520,000
	. Đoạn đường các ngõ 15 và ngõ 21	310,000
	. Đoạn đường ngõ 71B và các hẻm còn lại	210,000
13	<b>Đường Lãng Cầm</b>	-
	. Đoạn đường từ Trần Phú đến Thư viện tỉnh	320,000
	. Đoạn đường các ngõ 02 và ngõ 39	320,000
	. Đoạn đường ngõ 105	210,000
	. Đoạn đường các ngõ 01, 09, 36, 42, 50, 69, 52, 07 và các hẻm còn lại khu 3+4	150,000
14	<b>Đường 30 . 4</b>	-
	. Đoạn đường từ số 01 đến số 37	420,000
	. Đoạn đường từ số 39 đến số 59	310,000
	. Đoạn đường ngõ 02 (02 đến 54)	310,000
	. Các hẻm còn lại	210,000
15	<b>Đường Hà Huy Tập</b>	-
	. Đoạn đường các ngõ 11, 21 và Hẻm 6	450,000
	. Đoạn đường ngõ 47	210,000
	. Đoạn đường từ cây xăng Gia Cầm qua tiểu học Tiên Dung đến đường Hà Huy Tập	3,000,000
16	<b>Đường Nguyễn Thái Học</b>	-
	. Đoạn đường từ đại lộ Hùng Vương đến nhà ông Bảo	3,000,000
	. Đoạn đường các ngõ 10, 73 và ngõ 85	310,000

17	<b>Đường Hoàng Hoa Thám</b>	-
	. Đoạn đường từ số 01 (nhà ông Chinh) đến số 31 (Trung tâm dạy nghề Sở lao động)	2,500,000
	. Đoạn đường từ trung tâm dạy nghề đến đường Nguyễn Thái Học	1,500,000
	. Đoạn đường ngõ 31 từ số 02 đến số 46	310,000
	<b>PHƯỜNG THỌ SƠN</b>	-
1	<b>Đại lộ Hùng Vương</b>	-
	. Đường ngõ công trên chợ Gát (khu vực tổ 4B đến . Sông Thao)	2,000,000
	. Ngõ từ đường Hùng Vương vào Trung tâm hội nghị tỉnh	2,000,000
	. Ngõ từ đường Hùng Vương vào Cty TNHH Chí Hòa	2,000,000
	. Ngõ từ đường Hùng Vương vào Doanh nghiệp Kim Sơn	2,000,000
	. Ngách từ đường Hùng Vương vào đến hộ ông Thành tổ 7	850,000
2	<b>Đường Hai Bà Trưng</b>	-
	. Ngõ từ hộ ông Văn tổ 26B đến hộ bà Ty tổ 26B	1,000,000
	. Đoạn nối từ đường Hai Bà Trng đến đường Nguyễn Tất Thành (khu vực tổ 27B) trừ những hộ quay ra đường Hai Bà Trưng	2,000,000
	. Đường từ ngã 4 Thọ Sơn đến hộ ông Huy tổ 33 – Phố Thành Công	2,000,000
3	<b>Khu phố Long Châu Sa</b>	-
	<b>Khu vực Cty xây dựng số 22</b>	-
	. Đường từ hộ bà Ngọc đến hộ ông Khanh tổ 10	1,300,000
	. Đường từ hộ ông Khanh đến hộ bà Hới tổ 12	1,300,000
	. Đường từ nhà bà Hới đến hộ nhà bà Quý tổ 11B	1,300,000
	. Đường từ hộ bà Hới đến hộ bà Hằng tổ 11A	1,100,000
	. Ngõ từ bà Lợi tổ 10 đến hộ bà Hòa tổ 10	520,000
	. Đoạn từ hộ ông Lý đến hộ bà Hải tổ 10	700,000
	. Ngõ từ hộ ông Trung đến hộ ông Tường tổ 10	520,000
	<b>Khu vực báo Phú Thọ cũ</b>	-
	. Ngõ thuộc băng 1, 2, 3 tổ 11A	520,000
	. Ngõ từ hộ bà Hồng đến hộ ông Diên tổ 11A	350,000
	<b>Khu vực rạp Long Châu Sa</b>	-
	. Đường từ hộ ông Hưng đến hộ ông Quỳnh tổ 12	550,000
	<b>Khu vực giáp Trạm xá nhà máy Mi Chính cũ</b>	-
	. Từ hộ ông Bình đến hộ ông Cần tổ 15	520,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000
3	<b>Khu phố Sông Thao</b>	-
	<b>Khu vực đôi chợ</b>	-
	. Đoạn đường từ bà Loan đến hộ ông Bổng tổ 8B	1,000,000
	. Đoạn đường từ bà Lâm đến hộ bà Xoan tổ 4A	650,000
	. Đoạn đường từ ông Chiến đến hộ ông Hới tổ 4A	650,000
	. Ngõ sau chợ Gát (từ hộ ông Hi đến hộ ông Phước tổ 4B)	450,000
	<b>Khu hồ hóa chất</b>	-
	. Đoạn đường từ ông Long đến hộ ông Cường tổ 9B	900,000
	. Đoạn đường từ ông Lâm đến hộ ông Mậu tổ 9A	900,000
	. Các ngõ ven hồ hóa chất tổ 8B	350,000
	<b>Khu đội xe Xi nghiệp 4 cũ</b>	-

	. Đoạn đường từ bà Thêu đến hộ ông Dũng tổ 9B	870,000
	<i>Khu đôi vật tư</i>	-
	. Ngõ từ hộ ông Quỳnh đến đường sắt tổ 2	420,000
	. Ngõ từ hộ bà Trường tổ 2 đến hộ ông Tố tổ 3	315,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000
4	<b><i>Khu phố Đoàn Kết (Khu vực 221)</i></b>	-
	. Đoạn đường từ hộ ông Bài đến hộ bà Truyền tổ 17	870,000
	. Đoạn đường từ bà Hợp đến hộ ông Toại	700,000
	. Các ngõ thuộc băng 2 tổ 16.22	520,000
	. Các ngõ thuộc băng 3 tổ 16.22	350,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000
5	<b><i>Khu phố Thành Công</i></b>	-
	<i>Khu đôi lắp máy</i>	-
	. Đoạn đường từ hộ bà Thủy đến hộ ông Chiến tổ 27B	1,000,000
	. Các ngõ băng 1, băng 2 đôi lắp máy tổ 28	420,000
	<i>Khu đôi A</i>	-
	. Các ngõ băng 1, băng 2 tổ 30	520,000
	. Các ngõ băng 1, băng 2 tổ 33	350,000
	<i>Khu đôi Chùa</i>	-
	. Các ngõ băng 1, băng 2 tổ 34	350,000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150,000
	<b>PHƯỜNG DỮU LÂU</b>	-
	. Băng II đường Trần Phú	1,000,000
	. Băng II đường Nguyễn Du (đoạn từ cây xăng đến nghĩa trang liệt sỹ)	500,000
	. Đường Đè Mát (đoạn từ tiếp giáp đường Trần Phú đi đê Sông Lô khu Dữu Lâu)	500,000
	. Đoạn đường từ đường Trần Phú đến hết trụ sở UBND phường Dữu Lâu (đường Đè Sòi)	160,000
	. Đoạn từ UBND phường Dữu Lâu đến Lợi Mua	150,000
	. Đoạn từ Lợi Mua đến giáp đường Nguyễn Du	300,000
	. Đoạn từ đường Trần Phú đến đầu làng Dữu Lâu	300,000
	. Các đường còn lại của khu Dữu Lâu	120,000
	. Đường bao quanh Trường Dạy nghề	500,000
	. Đường từ tổ 4A khu Hương Tràm đến đôi Ong Vàng	300,000
	. Đoạn từ đường Nguyễn Du đến nhà ông Đắc	300,000
	. Đoạn từ nhà ông Đắc đến đê Sông Lô	120,000
	. Đoạn từ đường Nguyễn Du đến nhà văn hóa khu Quế Trạo	100,000
	. Đoạn từ nhà văn hóa đến Đình Quế Trạo	150,000
	. Đoạn từ đê Sông Lô xuống bên phà vào xóm Tân Lập	150,000
	. Đất khu dân cư tổ 1, tổ 2, Quế Trạo, tổ 3A, tổ 4A Hương Tràm	150,000
	. Đất tổ 4B Hương Tràm, tổ 3B giáp Đại Học Hùng Vương	200,000
	. Đất khu dân cư thuộc tổ 6, tổ 7 (khu Bảo Đà) tổ 8, tổ 9, tổ 10 (khu Dữu Lâu) và các tổ dân cư khu phố I, II, III	120,000

<b>V</b>	<b>Đất Sản xuất , Kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó.</b>	
<b>VI</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó;	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất;	

### **DANH MỤC PHƯỜNG, XÃ ( 17) .**

**1 Phường (10):**

Gia Cẩm; Tiên Cát; Nông Trang; Thanh Miếu; Bến Gót; Bạch Hạc; Dữu Lâu; Vân Cờ; Tân Dân; Thọ Sơn;

**2 Xã Đồng bằng ( 7):**

Sông Lô; Trung Vương; Vân Phú; Thụy Vân; Phượng Lâu; Minh Phương; Minh Nông;

**BẢNG GIÁ ĐẤT THỊ XÃ PHÚ THỌ.**DVT: đồng/m<sup>2</sup>;

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN.</b>	
<b>1</b>	<b>XÃ VĂN LUNG</b>	
a	<b>Đường từ cầu Quảng đến cầu Dóc km4</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đất các hộ từ cầu Quảng đến hết cầu quán Diết	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đất từ Quán Diết đến Cầu Dóc	560,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đất từ nhà ô.Trường đến cầu Dóc	700,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
b	<b>Đường liên thôn trở lên</b>	
	Đất hai bên đường bê tông liên thôn, xã, huyện từ 3m trở lên	100,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
<b>2</b>	<b>XÃ HÀ THẠCH</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền TL315 (Giáp T.thịnh đến Bến Phà Ngọc Tháp)	350,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền TL320 (Giáp TL315 đến địa phận Tx Phú Thọ)	210,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền hai bên từ giáp tỉnh lộ 320 đến hết địa bàn xã Hà thạch	210,000
	Đất trung tâm xã Hà Thạch	70,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền TL 325 đến hết địa phận xã Hà Thạch	210,000
	Đất đường liên xã, liên thôn	70,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
<b>3</b>	<b>XÃ THANH VINH</b>	
a	<b>Đất mặt đường TL 313</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ giáp Trường Thịnh đến giáp đường sắt	600,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ đường sắt đến Thanh Hà	400,000
	Đất các khu vực còn lại	50,000
b	<b>Đất mặt đường TL 318</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ giáp Đông Thành đến đường rẽ Chiêu ứng	75,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ đường rẽ đi Chiêu Ứng đến TL 313	350,000
	Đất các khu vực còn lại	50,000
<b>4</b>	<b>XÃ HÀ LỘC</b>	
a	<b>Đọc theo tỉnh lộ 315</b>	
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ ngã 3km5 đến cầu km7	490,000
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ cầu km4 đến km5	420,000
	Khu đất còn lại	50,000
b	<b>Đọc theo tỉnh lộ 311</b>	

	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ ngã 3km5 đến đầu Cầu Thia	490,000
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ cầu đến hết địa phận Hà Lộc	280,000
	Khu đất còn lại	50,000
<b>c</b>	<b>Đất trong khu dân cư nông thôn</b>	
	Đất khu vực hai bên đường liên thôn trở lên	70,000
	Khu đất còn lại	50,000
<b>5</b>	<b>XÃ PHÚ HỘ</b>	
<b>a</b>	<b>Đường Quốc lộ II</b>	
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ giáp xã Phú Lộc đến nhà Ô. Nguyễn Ngọc Xuyên khu 3	262,500
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ nhà Ô. Nguyễn Ngọc Xuyên đến nhà bà N.T. Hà khu 13	350,000
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ nhà bà N.T. Hà khu 13 đến đường đi Tràng Xảo	700,000
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ đường rẽ đi Tràng Xảo đến cầu Quan	350,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
<b>b</b>	<b>Đường TL 315</b>	
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ nhà bà Lê .T.Thuý giữa ngã 3 cây 8 đến nhà ô. Nguyễn Khắc Giản khu 18	280,000
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ nhà ô. Nguyễn Khắc Giản đến cầu Ông Xi giáp Hà Lộc	140,000
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ nhà ô. Lê Văn Hồng khu 19 đi cầu Quan giáp Tiên Phú	100,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
<b>c</b>	<b>Đường huyện lộ, thị lộ</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường Huyện lộ, Thị lộ	150,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
<b>d</b>	<b>Đường liên xã, các đường nhánh</b>	
	Đất hai bên mặt tiền các đường liên xã từ 3m trở lên	100,000
	Đất thuộc trung tâm xã, khu C. ty 21- khu ngã ba cây 8	100,000
	Đất các khu vực còn lại	50,000
	<b>Đất hai mặt tiền Đoạn từ nhà Ô Y Khu 4 đến Hà Thạch</b>	<b>150,000</b>
	<b>Đất hai mặt tiền Đoạn từ Quốc lộ II đi Tràng Xảo</b>	<b>190,000</b>
<b>6</b>	<b>XÃ THANH MINH</b>	
<b>a</b>	<b>Đất theo trục đường</b>	
	Đất khu vực Thanh Lâu - Thanh Minh	50,000
	Đất khu vực Hạ Mạo - Thanh Minh	60,000
	Đất hai bên mặt tiền đường TL 313	700,000
<b>b</b>	<b>Đất khu vực nông thôn và khu vực khác</b>	
	Đất khu vực nông thôn từ đường liên thôn trở lên	70,000
	Đất các khu vực còn lại	50,000
<b>II</b>	<b>Đất Sản xuất , Kinh doanh phi nông nghiệp tại Nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó.</b>	



<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng , an ninh ; đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó;	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất;	
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ.</b>	
<b>1</b>	<b>PHƯỜNG HÙNG VƯƠNG</b>	
<b>a</b>	<b>Đường tỉnh lộ 315</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ cổng UBND phường đến ngã tư chợ	1,750,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ ngã tư chợ Phường đến XN đường bộ	1,050,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ Cầu Trắng đến cổng CN điện Phú thọ	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền trong ngõ 1,2 tổ 23 phố Tân Thành	175,000
	Đất khu còn lại	100,000
<b>b</b>	<b>Đường Tân Thành .</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ Cầu Trắng đến nhà số 8	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền trong các ngõ	126,000
	Đất khu còn lại	100,000
<b>c</b>	<b>Đường TL 313</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ ngã tư 27/7 đến cổng Trường bồi dưỡng G.Viên	1,050,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ cổng trường bồi dưỡng giáo viên đến số nhà 203	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 1 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 6	280,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 18	210,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 3 phố Tân Lập từ nhà số 36 đến số 12	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 4 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 20	100,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 5 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 20	100,000
	Đất khu vực còn lại	100,000
<b>d</b>	<b>Đường Nhà Dàn</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Nhà Dàn	560,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 phố Long Xuyên từ nhà số 2 đến 10	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 3 Phố Long Xuyên (giáp đường sắt)	100,000
	Đất khu vực còn lại	100,000
<b>e</b>	<b>Đường Đoàn Kết</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Đoàn kết	350,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 1 phố Đoàn Kết từ nhà số 3 đến số 33	175,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 3 phố Đoàn Kết	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 phố Đoàn Kết từ nhà số 2 đến số 16	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ bên hành lang đường sắt	70,000



	Đất khu vực còn lại	70,000
<b>g</b>	<b>Đường Tân An</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền (từ ngã 3 CA cũ đến thôn Liêm)	560,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ từ nhà văn hoá Tân An theo tường rào XN 27/7 đến nhà số 19 và tổ 7 phố Tân An	140,000
	Đất các hộ thuộc khu vực trường công an cũ	140,000
	Đất các khu vực còn lại	100,000
<b>h</b>	<b>Đường Tân Trung</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền (từ 27/7 đến nhà đa năng trường ĐH H. Vương)	1,050,000
	Đất các hộ dân cư mới QH cạnh trường P.Châu	700,000
	Đất các khu vực còn lại	100,000
<b>I</b>	<b>Đường Sa Đéc</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ ngã tư chợ Phường đến tháp nước	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ tháp nước qua tổ 15 phố Sa Đéc đến công trường Sa Đéc	420,000
	Đất các hộ mặt tiền (từ công trường Sa Đéc qua công trường Tiểu học H.Vương đến đường sắt)	280,000
	Đất các hộ băng 2,3 khu quy hoạch mới cho CB giáo viên Đại Học Hùng Vương	280,000
	Đất các hộ mặt tiền đường tháp nước từ số nhà 04 đến số nhà 16	170,000
	Đất thuộc khu tập thể cũ từ số nhà 64 đến số nhà 50	170,000
	Đất từ số nhà 08 đến số nhà 24	140,000
	Đất từ số nhà 24 đến số nhà 06	140,000
	Đất từ số nhà 38 đến số nhà 26	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ thể thao từ số nhà 04 đến số nhà 09	210,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ truyền thanh từ nhà số 01 đến số nhà 54	210,000
	Đất các khu vực còn lại	100,000
<b>2</b>	<b>PHƯỜNG ÂU CƠ</b>	
<b>a</b>	<b>Đường tháng 8 và Bạch Đằng</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ gốc cây đa lịch sử qua CA Thị ra bờ sông	1,750,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn đường Bãi Chạp	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn đường từ bến xe khách Thị xã đến hết hiệu sách Thị xã	1,050,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn đường từ CN điện đến hết gốc đa lịch sử	1,540,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ Giếng Đình	280,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>b</b>	<b>Các đường khác</b>	
	Hai bên mặt tiền đoạn từ Đài truyền thanh đến Phòng công chứng số 2	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ gốc cây đa lịch sử qua ngã tư gốc quẹo đến hết BV đa khoa	1,260,000

	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ ngã tư góc quẹo đến trường Trần Phú	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Nguyễn Du đoạn từ chi nhánh điện đến hết hiệu sách thị xã	1,050,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ bến ô tô đến chi nhánh điện	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Lê Đồng đoạn từ rạp chiếu bóng đến thư viện cũ, đường S. Hồng từ T. Viện cũ đến chợ Mè	1,050,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Ngô Quyền	1,400,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Cao Du	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ Bách hoá đến cột 3F	490,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 Tân Phú, ngõ 3 Tân Hưng, ngõ 4 Tân Phú	350,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 3 Nguyễn Trãi, ngõ lương thực, ngõ Cao trung	350,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 1 Bạch Đằng	420,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ Giếng Chanh	560,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 4 Tân Hưng, Ngõ Tân Phú, Ngõ 1 tổ 28 Lê Đồng, ngõ Giếng Cao, Ngõ tổ 8 Nguyễn Trãi	175,000
	Khu đất còn lại	100,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Nguyễn Khuyến	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ chợ phường Âu Cơ đến rạp chiếu bóng	560,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn Đèn Đóm	420,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Tháng 8 đoạn trường Trần Phú đến Thị Đội	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ đường ao Viên, ngõ 2 Nguyễn Du	280,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 Tân Phú đến cột 3D, ngõ 8/3 đến cột 3c	175,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 Quang Trung, ngõ 4 Quang Trung, ngõ 5 Tân Hưng	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Nhật Tân	175,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Tân Minh	100,000
	Khu đất còn lại	85,000
<b>3</b>	<b>PHƯỜNG PHONG CHÂU</b>	
a	<b>Đường Bạch Đằng</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường Bạch Đằng	1,750,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đất ở ngõ tổ 12 ( bà Lân)	280,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đất ngõ giếng cóc ( chia làm 2 đoạn):	
	Đoạn 1: Từ số nhà 27 đến số nhà 04	505,000
	Đoạn 2: Từ số nhà 06 đến số nhà 20	280,000
	Khu đất còn lại	100,000
b	<b>Đường Tháng Tám</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn 1: Từ CA Thị xã đến C.ty DV-MT-ĐT	1,680,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ C.ty DV - MT- ĐT đến Toà án	755,000
	Khu đất còn lại	100,000

<b>c</b>	<b>Đường Phố bình, Phú Thịnh</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền	1,890,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ số 5 phố Phú Thịnh	280,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>d</b>	<b>Đường Nguyễn Du</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền	1,345,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ đường bê tông tổ 13,14 phố Phú An	504,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ ngõ 1,2 ngõ tổ 13 ngõ nhà thờ Phố Phú An	280,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>e</b>	<b>Đường phố Phú Bình, phố Thịnh</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn 1: Từ số nhà 73 đến số nhà 39	1,010,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn 2: Từ số nhà 43 đến số nhà 96	755,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn 3: Từ số nhà 46 đến số nhà 82	590,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền ngõ đền xóm Sở từ số nhà 02 đến nhà số 28	350,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền ngõ tổ 8B, ngõ tổ 5, tổ 6, tổ 7	280,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền ngõ tổ 8A ông Sơn	225,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>g</b>	<b>Đường phố Phú Hà</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền (từ Cty may ra bờ sông)	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ tổ 3 Phú Hà từ số nhà 47 đến 57 và từ nhà Ô. Cường đến Ô. Bắc	335,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ bê tông tổ 9 Phú Bình	280,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ trạm y tế phường	335,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>h</b>	<b>Đường phố Phú An</b>	
	Đất hai mặt tiền từ NHCT đến Trường mầm non Phong Châu	1,010,000
<b>l</b>	<b>Đường TL 315</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền	1,345,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ tổ 14B Phú An	280,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ toàn bộ tổ 15,16 phố Phú An	105,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>k</b>	<b>Đường Sông hồng</b>	
	Đất các hộ mặt đường	1,010,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>l</b>	<b>Đường phố mới Phú Hà tổ 2A và 2B</b>	
	Đất các hộ mặt đường phố mới tổ 2A,2B	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ 03 Phú Hà	
	Từ số nhà 33 đến số nhà 01	280,000
	Từ số nhà 28 đến số nhà 10	225,000
	Từ số nhà 11 đến số nhà 13	225,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>4</b>	<b>PHƯỜNG TRƯỜNG THỊNH</b>	

a	<b>Đường TL 315</b>	
	Đất hai bên mặt tiền TL 315	1,050,000
	Đoạn phía bên phải đường TL315 đi Ga Phú Thọ	700,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
b	<b>Đường nội thị</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ven đường Bệnh viện đi trường Y	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn giáp trường Dân lập đến Cây tháp	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ Cây tháp đến xã Thanh Vinh	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ trụ sở UBND phường vào xóm Cao Bang	140,000
	Thôn Liêm giáp Thanh Vinh	50,000
	Phần trong khu giáp Hùng Vương	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ trường TH Trường Thịnh đến Cơ Khí Phú thọ	140,000
	Khu giáp xã Thanh Vinh	140,000
	Khu gò sỏi phía nam ga Phú thọ	175,000
	Toàn bộ khu dân cư thôn Phú Lợi	70,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
V	<b>Đất Sản xuất , Kinh doanh phi nông nghiệp tại Đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó.</b>	
VI	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng , an ninh ; đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó;	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất;	

### DANH MỤC CÁC PHƯỜNG, XÃ ( 10).

#### 1 Phường ( 4).

Hùng Vương; Âu cơ ; Phong châu; Trường thịnh;

#### 2 Xã Trung du ( 4)

Văn Lung; Hà lộc; Thanh minh; Thanh vinh;

#### 2 Xã Miền núi ( 2)

Hà thạch; Phú hộ;

**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN TAM NÔNG**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>;

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở NÔNG THÔN</b>	
	<b>ĐẤT HAI BÊN ĐƯỜNG QUỐC LỘ</b>	
<b>A</b>	<b>Đường 32A( từ đầu cầu Trung Hà đi địa giới Tam Nông-Thanh Sơn)</b>	
1	Đất hai bên đường QL 32A từ đầu cầu Trung Hà đến địa giới hành chính Thượng Nông - Dậu Dương	300,000
2	Từ địa giới hành chính Thượng Nông - Dậu Dương đến địa giới hành chính Dậu Dương - Hưng Hoá	300,000
3	Đất một bên đường 32A (phía trái) từ địa giới Hưng Hoá - Hương Nộn đến đầu đê Tam Thanh ( giáp đất nhà ông Bảo)	400,000
4	Đất hai bên đường từ đầu đê Tam Thanh đến đường rẽ vào Trạm bơm thủy nông	400,000
5	Đất hai bên đường 32A từ đường rẽ Trạm bơm thủy nông đến đường rẽ vào XN gạch Tuy Nén	500,000
6	Đất hai bên đường 32A từ đường rẽ XN gạch Tuy nén đến địa giới xã Hương Nộn - Cổ Tiết	650,000
7	Đất hai bên đường 32A từ địa giới Hương Nộn - Cổ Tiết đến đường rẽ vào Trạm điện trung gian	900,000
8	Đất hai bên đường 32A từ Trạm điện trung gian đến đường rẽ vào xóm Đức Phong ( hết nhà ông Trò )	550,000
9	Đất hai bên đường 32A từ đường rẽ vào xóm Đức Phong ( hết nhà ông Trò ) đến qua ngã tư Cổ Tiết 150m	550,000
10	Đất hai bên đường 32A từ qua ngã tư Cổ Tiết 150m đến chân dốc Sở ( đường rẽ vào đằm Chòm )	550,000
11	Đất hai bên đường 32A từ chân dốc Sở đến suối 1	350,000
12	Đất hai bên đường 32A từ suối 1 đến địa giới hành chính xã Phương Thịnh - Tề Lễ	100,000
13	Đất hai bên đường 32A từ địa giới hành chính xã Phương Thịnh - Tề Lễ giáp địa phận huyện Thanh Sơn	350,000
<b>B</b>	<b>Hai bên quốc lộ 32C ( từ ngã tư Cổ Tiết đi cầu Tứ Mỹ)</b>	
1	Hai bên đường QL 32C từ ngã tư Cổ Tiết đến đường rẽ vào xóm Rừng xã Cổ Tiết	850,000
2	Hai bên đường QL 32C từ đường rẽ vào xóm Rừng xã Cổ Tiết đến đường rẽ vào trạm y tế Cổ Tiết	720,000
3	Hai bên đường QL 32C từ đường rẽ vào trạm y tế Cổ Tiết đến đường rẽ vào khu Lưu niệm Bác Hồ	300,000
4	Hai bên đường QL 32C từ đường rẽ vào khu Lưu niệm Bác Hồ đến giáp sân vận động Tiểu đoàn 17	300,000
5	Hai bên đường QL 32C từ giáp sân vận động Tiểu đoàn 17 đến đường rẽ đi xã Xuân Quang	250,000
6	Hai bên đường QL 32C từ đường rẽ Xuân quang đến giáp đất bà Liêm	200,000

7	Hai bên đường QL 32C từ giáp nhà bà Liêm đến giáp nhà ông Tờ	250,000
8	Hai bên đường QL 32C từ hết nhà ông Tờ đến cầu Tứ Mỹ	200,000
	<b>HAI BÊN ĐƯỜNG TỈNH LỘ</b>	
<b>A</b>	<b>Tỉnh lộ 315 (ngã tư Cổ Tiết đến bến phà Ngọc Tháp)</b>	
1	Hai bên đường TL 315 từ ngã tư Cổ Tiết đến qua ngã tư Cổ Tiết 100m	550,000
2	Hai bên đường TL 315 từ qua ngã tư Cổ Tiết 100m đến đường rẽ vào đầu làng Danh Hựu	550,000
3	Hai bên đường TL 315 từ đường rẽ vào đầu làng Danh Hựu đến cầu Tam Cường	350,000
4	Hai bên đường TL 315 từ cầu Tam Cường đến địa giới Tam Cường - Thanh Uyên	300,000
5	Hai bên đường TL 315 từ địa giới Tam Cường- Thanh Uyên đến qua Hạt 4 giao thông 100m	200,000
6	Hai bên đường TL 315 từ qua Hạt 4 giao thông 100m đến qua đường vào UBND xã Hiền Quan 100m	250,000
7	Hai bên đường TL 315 từ qua đường vào Hiền Quan 100m đến qua bến phà Ngọc Tháp 100m	150,000
<b>B</b>	<b>Tỉnh lộ 316 ( đầu cầu Trung Hà đến địa giới HC huyện Tam Nông- Thanh Thủy )</b>	<b>180,000</b>
	<b>HUYỆN LỘ</b>	
<b>A</b>	<b>Huyện lộ số 1 ( đường 315 kéo dài từ Hiền Quan- Tề Lễ)</b>	
1	Hai bên đường từ TL 315 đến ngã 3 giao với huyện lộ số 8	90,000
2	Hai bên đường từ ngã 3 giao huyện lộ 8 đến giáp trường THCS Xuân Quang	60,000
3	Hai bên đường giáp đất trường THCS Xuân Quang đến hết nhà ông Hiện	80,000
4	Hai bên đường từ hết đất ông Hiện đến đập Trỏ Lợi	50,000
5	Hai bên đường từ hết đập Trỏ Lợi vào đường lên Gò Giang	120,000
6	Hai bên đường từ đồng lên Gò Giang đến hết trường THCS Tứ Mỹ	170,000
7	Hai bên đường từ trường THCS Tứ Mỹ đến hết đập Phương Thịnh	120,000
8	Từ đập Phương Thịnh đến đường rẽ đi UBND xã Quang Húc	100,000
9	Từ đường rẽ đi Quang Húc đến đường rẽ vào nhà ông Vân ( Bí thư xã Quang Húc )	120,000
10	Từ đường rẽ vào nhà ông Vân đến quốc lộ 32A	90,000
<b>B</b>	<b>Huyện lộ số 2 ( Thượng Nông - Xuân Lộc)</b>	
1	Đất hai bên đường từ QL 32A đến hết ao cá Bác Hồ	180,000
2	Đất hai bên đường từ hết ao cá Bác Hồ đến địa giới hành chính Thượng Nông- Xuân Lộc	100,000
<b>C</b>	<b>Huyện lộ 3 ( Hương Nộn- Dị Nậu)</b>	
1	Hai bên đường từ QL 32A đến đường rẽ đi Thọ Văn, Dị Nậu	200,000
2	Hai bên đường từ đường rẽ đi Thọ Văn đến hết trường THCS Dị Nậu	120,000
3	Đất hai bên đường từ trường THCS Dị Nậu đến địa danh Dị Nậu- Đào Xá	80,000

<b>D</b>	<b>Huyện lộ số 4 ( từ quốc lộ 32C đi Xuân Quang )</b>	<b>40,000</b>
<b>E</b>	<b>Huyện lộ số 5 ( đường tránh lũ Cổ Tiết - Hương Nộn )</b>	
1	Hai bên đường từ 2 điểm tiếp giáp QL 32A đến hết nghĩa trang Liệt sỹ huyện Tam Nông	650,000
2	Hai bên đường từ hết nghĩa trang Liệt sỹ huyện Tam Nông đến đường rẽ đi khu 2 Hương Nộn	350,000
3	Hai bên đường từ đường rẽ đi khu 2 Hương Nộn đến QL 32A	100,000
<b>F</b>	<b>Huyện lộ số 6 ( QL 32A đi dò Lòi)</b>	<b>120,000</b>
<b>G</b>	<b>Huyện lộ 7 ( từ HL3 đến QL 32A thuộc xã Thọ Văn)</b>	<b>70,000</b>
<b>H</b>	<b>Huyện lộ 8 ( cách bến phà Ngọc Tháp 100m đến huyện lộ 1)</b>	<b>70,000</b>
<b>I</b>	<b>Huyện lộ 9 ( Tam Cường đi Văn Lương)</b>	
1	Đất hai bên đường từ TL 315 đến qua cầu Ngòi	100,000
2	Đất hai bên đường từ qua cầu Ngòi đến qua UBND xã Văn Lương 100m	80,000
3	Đất hai bên đường từ qua UBND xã Văn Lương 100m đến HL số 4	40,000
<b>J</b>	<b>Huyện lộ số 10 ( tỉnh lộ 315 đi HL số 4)</b>	
1	Đất hai bên đường từ TL 315 đến địa giới Thanh Uyên- Xuân Quang	50,000
2	Đất hai bên đường từ địa giới Thanh Uyên- Xuân Quang đến huyện lộ số 4	35,000
<b>K</b>	<b>Trung tâm các xã, chợ, trường học ( ngoài các trường trên)</b>	
	- Cách trung tâm xã, chợ, khu vực( có đường giao thông) cách về hai phía 150m	35,000
	- Hai bên các đường giao thông trục chính nội xã	30,000
	- Các khu vực còn lại:	
	+ Vùng xa trung tâm xã miền núi, giao thông khó khăn	20,000
	+ Vùng xa trung tâm xã đồng bằng	30,000
	+ Vùng khu vực 3 của huyện	20,000
<b>M</b>	<b>Đất các đường nhánh rẽ nối từ QL, Tỉnh lộ vào 100m: lấy bằng 75% giá của đường Quốc lộ, Tỉnh lộ tương ứng</b>	
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn, đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào thì tính theo giá đất ở tại vị trí đó</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích Quốc phòng, An ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
	Nếu chỉ liên kê một loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó.	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất.	
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ</b>	
	<b>THỊ TRẤN HƯNG HOÁ</b>	
1	Hai bên quốc lộ 32A từ giáp xã Dậu Dương đến giáp xã Hương Nộn	900,000
2	Hai bên tỉnh lộ 316B từ điểm đầu với quốc lộ 32A đến hết trường THCS Hưng Hoá	550,000
3	Hai bên tỉnh lộ 316B từ trường THCS Hng Hoá đến hết viện Kiểm	550,000

	sát	
4	Hai bên tính lộ 316B từ hết đất Viện kiểm sát đến địa giới huyện Tam Nông - Thanh Thủy	350,000
5	Hai bên đường (đoạn rẽ) từ quốc lộ 32A qua cổng Chợ đến UBND thị trấn Hưng Hoá ( đường cấp phối và bê tông)	300,000
6	Khu dân cư nội thị không qua các trục đường trên	200,000
7	Khu dân cư còn lại	100,000
<b>V</b>	<b>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào thì tính theo giá đất ở tại vị trí đó</b>	
<b>VI</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích Quốc phòng, An ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
	Nếu chỉ liên kê một loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó.	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất.	

### PHỤ LỤC CÁC XÃ (20 xã)

#### Trong đó:

#### 1 Xã Trung du gồm: 3 xã

Vực Trường, Hồng Đà, Tam Cường.

#### 2 Các xã miền núi gồm: 17 xã

Dị Nậu, Thọ Văn, Tề lễ, Quang Húc, Xuân Quang, Thượng Nông, Dậu Dương, Hương Nộn, Cổ Tiết, Văn Lương, Thanh Uyên, Hiền Quan, Hương Nha, Tú Mỹ, Phương Thịnh, Hùng Đô và Thị trấn Hưng Hoá.



**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN THANH SƠN**ĐVT: Đồng/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
<b>1</b>	<b>Đường quốc lộ 32A</b>	
	Đoạn từ cầu 19-5 đến hết đài truyền thanh, truyền hình Thanh Sơn	300,000
	Đất hai ven đường quốc lộ 32 A nằm trong các khu trung tâm : Khuôn, Địch Quả, ngã ba Vèo, Thu Cúc	300,000
	Đất hai ven đường quốc lộ 32A khu trung tâm xã Mỹ Thuận, Tân Phú, Thạch Kiệt.	200,000
	Đất ven đường 32 A còn lại	50,000
<b>2</b>	<b>Đường quốc lộ 32B</b>	
	Đất ven đường 32 B	50,000
<b>3</b>	<b>Đường tỉnh lộ 316</b>	
	Đất hai ven đường thuộc khu trung tâm các xã Thạch Khoán, Giáp Lai, Cự Thắng, Hương Cần, Yên Sơn, Tinh Nhuệ, Cự Đồng, Tất Thắng, Yên Lương	200,000
	Đất hai bên đường xã và liên xã	20,000
<b>4</b>	<b>Đường tỉnh lộ 316 C</b>	
	Đất hai ven đường thuộc trung tâm các xã Thục Luyện, Võ Miếu, Văn Miếu	200,000
	Đất hai bên đường xã và liên xã	20,000
<b>5</b>	<b>Đường tỉnh lộ 316 D</b>	
	Đất hai ven đường thuộc trung tâm các xã Tân Lập, Tân Minh	50,000
	Đất hai bên đường xã và liên xã	20,000
6	Đất khu trung tâm, khu vực chợ có khả năng sinh lời của các xã còn lại	50,000
7	Đất nằm hai ven đường huyện lộ ngoài khu vực đã tính ở trên	20,000
8	Đất khu tập trung dân cư nông thôn nằm trên các xã	15,000
9	Đất khu dân cư nông thôn còn lại chưa tính ở phần trên	10,000
10	Đất các thôn bản vùng sâu, vùng cao	7,500
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn, đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó.</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất.	
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ</b>	
	<b>Thị trấn Thanh Sơn (Đô thị loại 5 )</b>	
1	Đoạn từ đường vào Phòng giáo dục đến cổng đường vào bệnh viện	1,200,000
2	Đoạn từ đường rẽ vào phòng Giáo dục đến hết nhà Ông Hoạch (Điện nước)	1,100,000

3	Đoạn từ hạt kiểm lâm đến hết nhà Ô Hùng Kem	1,100,000
4	Đoạn từ nhà Ô Hoạch điện đến đầu cầu 19/5	1,000,000
5	Đoạn từ ngã ba vào Chợ Vàng đến trạm biến áp	900,000
6	Đoạn từ đường rẽ vào Bệnh viện đến Ao Gia	900,000
7	Đoạn hai ven đường xuống bến cảng	700,000
8	Đoạn từ giáp trạm biến áp đến đường rẽ vào xóm Hoàng Trung	1,000,000
9	Đoạn hai ven đường vào Bệnh viện (từ giáp quốc lộ 32 A đến cổng B. viện)	800,000
10	Đoạn quốc lộ 32A từ Ao Gia đến hạt bẫy giao thông đối diện nhà Ông Lương	900,000
11	Đoạn từ nhà Ông Bộ kiểm lâm đến hết nhà Ông Thuận Lương	500,000
12	Đoạn từ giáp nhà Ông Lương (hạt bẫy) đến Cầu Khánh	600,000
13	Đoạn từ nhà Ông Lộc Tính đến đầu cầu Ròng	500,000
14	Đoạn từ giáp nhà Ông Thuận Lương đến Ao Bong (đường rẽ đội 12 )	400,000
15	Đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ đến giáp đường quốc lộ 32 (đường đi lương thực )	500,000
16	Đất nằm phía sau (băng 2 của vị trí 1,2,3 nêu trên )	150,000
17	Đất nằm phía sau (băng 2) của vị trí 4,5,6	50,000
18	Hai ven đường nhánh thuộc thị trấn Thanh Sơn (chưa tính ở phần trên)	150,000
19	Đất khu dân cư nông thôn ở thị trấn	150,000
20	Đất còn lại nằm sâu trong các khu dân cư giao thông không thuận tiện	30,000
<b>V</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị , đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó.</b>	
<b>VI</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất.	

### Danh mục các xã

#### 1 Thị trấn (1):

Thị trấn Thanh Sơn

#### 2 Xã Miền núi (39):

Sơn Hùng, Thục Luyện, Giáp Lai, Thạch Khoán, Địch Quả, Cự Thắng, Tát Thắng, Cự Đồng, Thắng Sơn, Hương Càn, Tân Lập, Yên Lương, Yên Lãng, Yên Sơn, Lương Nha, Tinh Nhuệ, Tân Minh, Võ Miếu, Văn Miếu, Tam Thanh, Vinh Tiền, Văn Luông, Long Cốc, Khả Cừ, Đông Cừ, Thượng Cừ, Minh Đài, Xuân Đài, Kim Thượng, Xuân Sơn, Mỹ Thuận, Thu Ngạc, Tân Phú, Thạch Kiệt, Kiệt Sơn, Tân Sơn, Lai Đồng, Đồng Sơn, Thu Cúc

## BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN THANH THỦY

ĐVT: đồng/ m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở NÔNG THÔN</b>	
<b>A</b>	<b>Các xã vùng trung du (gồm 4 xã: Đồng Luận, Đoan Hạ, Bảo Yên, Xuân Lộc)</b>	
*	<i>Khu vực đường quy hoạch</i>	
1	Các trục đường từ 6m trở lên	80,000
2	Các trục đường từ 4-5m	55,000
3	Các trục đường 3m	40,000
*	<i>Khu vực khác</i>	
1	Đất vùng ven trung tâm và vùng ven tụ điểm kinh tế	30,000
2	Đất khu vực dân cư còn lại	25,000
<b>B</b>	<b>Các xã vùng miền núi</b>	
	<i>(Gồm : Tu Vũ, Yên Mao, Phượng Mao, Trung Nghĩa, Trung Thịnh, Hoàng Xá, Sơn Thủy, La Phù, Tân Phương, Thạch Đông, Đào Xá)</i>	
*	<i>Khu vực đường quy hoạch</i>	
1	Các trục đường từ 6m trở lên	60,000
2	Các trục đường từ 4-5m	40,000
3	Các trục đường 3m	30,000
*	<i>Khu vực khác</i>	
1	Đất vùng ven trung tâm và vùng ven tụ điểm kinh tế	30,000
2	Đất khu vực dân cư còn lại	20,000
<b>C</b>	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 316:</b>	
1	Đất hai bên đường từ tiếp giáp Hồng Đà đến cách đờng rẽ đi Thượng Nông (huyện lộ) 50m	140,000
2	Đất hai bên đường từ cách đờng rẽ đi Thượng Nông 50m và qua đờng rẽ đi Thượng Nông 50m.	200,000
3	Đất hai bên đường từ cách đờng rẽ đi Thượng Nông 50m đến điểm canh đê (đờng rẽ vào đờng Sơn dương)	120,000
4	Đất hai bên đường từ giáp điểm canh đê đến hết địa phận xã Xuân Lộc	90,000
5	Đất hai bên đường đoạn giáp xã Xuân Lộc đến công qua đê (đập đầm sen) nhà ông Hội Thạch Đồng	100,000
6	Đất hai bên đường đoạn từ công qua đê (đập đầm sen) nhà ông Hội đến nhà ông Tuệ khu 5 xã Thạch Đồng	350,000
7	Đất hai bên đường đoạn từ hết nhà ông Tuệ khu 5 xã Thạch Đồng đến cách nhà ông Tuệ 100m	500,000
8	Đất hai bên đường đoạn từ cách nhà ông Tuệ 100m đến công qua đê nhà ông Xuyên Thạch Đồng	400,000
9	Đất hai bên đường đoạn từ công qua đê nhà ông Xuyên Thạch Đồng đến hết địa phận xã Thạch Đồng (giáp xã Tân Phương)	100,000
10	Đất hai bên đường thuộc địa phận xã Tân Phương từ giáp xã Thạch Đồng đến ngã 3 ( nhà ông Bản)	150,000

11	Đất hai bên đường từ ngã 3 nhà ông Bản đến cây xăng nhà ông Liễu	100,000
12	Đất hai bên đường từ cây xăng nhà ông Liễu đến cột mốc giới hết địa phận xã Tân Phương (Ghánh Dê)	100,000
13	Đất hai bên đường từ quán ông Chức đến nhà ông Tương Hằng (hết địa phận xã Tân Phương)	200,000
<b>D</b>	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 316B:</b>	
1	Đất hai bên đường từ cầu Bờ Đìa đến ngã 3 đường rẽ đi Thạch Đồng.	80,000
2	Đất hai bên đường từ ngã 3 đường rẽ đi Thạch Đồng đến ngã 3 Bạch Thạch	56,000
3	Đất hai bên đường từ ngã 3 Bạch Thạch đến đường rẽ vào thôn Hữu Khánh	120,000
4	Đất hai bên đường từ ngã 3 thôn Hữu Khánh đến cầu Dát xã Tân Phương	150,000
5	Đất hai bên đường từ cầu Dát đến chân dốc ngã 3 gặp đường tỉnh lộ 316	200,000
<b>E</b>	<b>Tỉnh lộ 317</b>	
1	Đất hai bên đường từ giáp xã Tân Phương (nhà ông Tương Hằng) đến cổng nhà ông Kiên khu 5 xã La Phù	300,000
2	Đất hai bên đường từ nghĩa trang liệt sỹ La Phù đến nhà ông Vận Ngọc (hết địa phận xã La Phù)	500,000
3	Đất hai bên đường từ giáp xã La Phù đến hộ ông Năng xã Bảo Yên	400,000
4	Đất hai bên đường từ giáp hộ ông Năng xã Bảo Yên đến giáp xã Đoan Hạ (hết địa phận xã Bảo Yên)	120,000
5	Đất hai bên đường thuộc địa phận xã Đoan Hạ từ giáp xã Bảo Yên đến giáp xã Đồng Luận	120,000
6	Đất hai bên đường từ giáp xã Đoan Hạ đến cổng nhà ông Thảo khu 7 xã Đồng Luận	100,000
7	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Thảo khu 7 xã Đồng Luận đến ngã 3 (đường rẽ tránh lũ liên xã Đồng Luận- Trung Nghĩa)	100,000
8	Đất hai bên đường từ ngã 3 (đường rẽ tránh lũ liên xã) đến cổng nhà ông Phan Khu 2 Xã Đồng Luận	120,000
9	Đất hai bên đường từ hết cổng nhà ông Phan khu 2 đến hết địa phận xã Đồng Luận (giáp xã Trung Nghĩa)	80,000
10	Đất hai bên đường từ giáp xã Đồng Luận đến hết ao cá Bác Hồ (đường rẽ vào UBND xã Trung Nghĩa)	100,000
11	Đất hai bên đường từ giáp ao cá Bác Hồ (đường rẽ vào UBND xã Trung Nghĩa) đến hết địa phận xã Trung Nghĩa (giáp xã Phụng Mao)	70,000
12	Đất hai bên đường tỉnh lộ 317 thuộc xã Phụng Mao	50,000
13	Đất hai bên đường từ giáp xã Phụng Mao đến Trạm xá xã Yên Mao	50,000
14	Đất hai bên đường từ giáp Trạm xá xã Yên Mao đến trường THCS Yên Mao	90,000

15	Đất hai bên đường từ trường THCS Yên Mao đến hết địa phận xã Yên Mao (giáp xã Tu Vũ)	60,000
16	Đất hai bên đường từ tượng đài chiến thắng Tu Vũ đến cầu Lương Nha (hết địa xã Tu Vũ)	80,000
17	Đất hai bên đường từ ngã 3 (nhà anh Hồng Thoa khu 4) theo đường bờ ngang đến giáp xã Yên Lãng	50,000
<b>F</b>	<b>Đất hai bên đường huyện lộ nối từ QL 32A xã Thượng Nông đến Xuân Lộc</b>	
1	Đất hai bên đường từ giáp ranh xã Thượng Nông đến ngã 3 đập Sơn Dương	60,000
2	Đất hai bên đường từ đập Sơn dương đến giáp nhà ông Lạc xã Xuân Lộc	100,000
3	Đất hai bên đường từ nhà ông Lạc đến ngã 3 tiếp giáp đường tỉnh lộ 316 xã Xuân Lộc	200,000
<b>G</b>	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 317 B từ Yên Mao đi Đá cóc</b>	
1	Đất hai bên đường từ ngã ba trung tâm đến nhà ông Quyết khu 6 (đường vào xóm 5)	100,000
2	Đất hai bên đường từ nhà ông Quyết khu 6 đến nhà bà Kê khu 11 (đường vào đèo Sỏi)	80,000
3	Đất hai bên đường từ nhà bà Kê khu 11 đến hết địa phận xã Yên Mao	50,000
4	Đất hai bên đường từ giáp xã Yên Mao đi Đá Cóc đến hết địa phận xã Phụng Mao (Đường tránh lũ)	40,000
<b>H</b>	<b>Đất hai bên đường huyện lộ từ Bảo Yên đi Đoan Hạ - Hoàng Xá</b>	
1	Đất hai bên đường từ đường TL 317 (Điểm đầu công tiêu nước xã Đoan Hạ) rẽ đi Hoàng Xá qua địa phận xã Bảo Yên, qua địa phận xã Đoan Hạ đến đầu cầu Hoàng Xá.	150,000
2	Đất hai bên đường từ cầu Hoàng Xá đến hết nhà ông Hai xã Hoàng Xá	500,000
3	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Hai đến hết nhà thờ Hoàng Xá	600,000
4	Đất hai bên đường từ giáp nhà thờ Hoàng Xá đến hết đất bà BỔ	700,000
5	Đất hai bên đường từ giáp đất bà BỔ (ngã 3 chợ cũ) đến hết trạm thuế xã Hoàng Xá	900,000
6	Đất hai bên đường từ giáp trạm thuế xã Hoàng Xá đến ngã 3 nhà Ô Huyền	600,000
7	Đất hai bên đường từ giáp ngã 3 ô Huyền đến suối Đục hết địa phận xã Hoàng Xá	300,000
<b>I</b>	<b>Đất hai bên đường liên xã LX: 1A xã Hoàng Xá đi Trung Thịnh</b>	
1	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà bà BỔ đến hết đất nhà anh Hữu	700,000
<b>J</b>	<b>Đất hai bên đường liên xã từ Hoàng Xá đi Trung Thịnh LX: 1B</b>	

1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ đi UBND xã Hoàng Xá cách ngã ba 20 m đến hết chợ Hoàng Xá	900,000
2	Đất hai bên đường từ giáp chợ Hoàng Xá đến hết trạm xá xã Hoàng Xá	800,000
3	Đất hai bên đường từ giáp trạm xá xã Hoàng Xá đến ngã tư nhà ông Liên	700,000
4	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Liên đến nhà ông Đước xã Hoàng Xá	600,000
5	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Đước đến hết địa phận xã Hoàng Xá	500,000
6	Đất hai bên đường giáp ranh từ Hoàng Xá đến ngã ba Hàm đến cầu Trôi xã Trung Thịnh	300,000
7	Đất hai bên đường từ ngã ba Hàm đi Thắng Sơn huyện Thanh Sơn	200,000
8	Đất băng 2 cách trục đường chính 35 m từ giáp ranh xã Hoàng Xá đến ngã ba Hàm xã Trung Thịnh	20,000
9	Đất hai bên đường từ ngã tư cổng ông Hồ đến cổng ông Kế phía ao	20,000
<b>K</b>	<b>Đất hai bên đường liên xã LX: 2 từ Bảo Yên đi Sơn Thủy</b>	
1	Đất hai bên đường từ ngã ba tỉnh lộ 317 (nhà ông Sâm) đến giáp địa phận xã Sơn Thủy	350,000
2	Đất hai bên đường từ ngã tư xóm Gò đến hết nhà ông Phụ xã Sơn Thủy	100,000
3	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Phụ đến hết chợ Bến thôn Thủy Trạm (chợ Đón)	120,000
4	Đất hai bên đường từ chợ Đón Thủy Trạm đến hết đất Sơn Thủy	100,000
5	Đất hai bên đường từ ngã tư xóm Gò đến cầu Máng đến chân đập Suối Ròng (Khu du lịch)	50,000
6	Đất hai bên đường từ cầu Máng khu 7 đến hết mỏ Ngọt xã Sơn Thủy	30,000
7	Đất hai bên đường từ ngã tư chợ Bến Phù Lao đến đập suối Hàng	50,000
8	Đất hai bên đường từ ngã tư Thủy Trạm đi Tát Thắng huyện Thanh Sơn đến hết địa phận Sơn Thủy	70,000
<b>L</b>	<b>Đất hai bên đường liên xã LX: 3 từ Đồng Luận đi Trung Nghĩa đi Phụng Mao (đường tránh lũ)</b>	
1	Đất hai bên đường rẽ từ đồng 317 đi hết địa phận xã Đồng Luận (giáp xã Trung Nghĩa)	70,000
2	Đất hai bên đường từ giáp xã Đồng Luận đến cổng nhà ông Hoi khu 3 xã Trung Nghĩa	80,000
3	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Hoi khu 3 đến UBND xã Trung Nghĩa	100,000
4	Đất hai bên đường từ ngã 3 cổng chợ xã Trung Nghĩa (giáp tỉnh lộ 317) đến Trạm xá xã Trung Nghĩa	150,000

5	Đất hai bên đường từ Trạm xá xã Trung Nghĩa đến hết khu Đền Lăng Sương	80,000
6	Đất hai bên đường từ giáp Đền Lăng Sương đến hết Đồng Cò (giáp xã Phụng Mao)	50,000
7	Đất hai bên đường từ giáp xã Trung Nghĩa đến Hồ Phụng Mao	40,000
<b>M</b>	<b>Đất hai bên đường liên xã LX: 4 từ ngã ba gặp tỉnh lộ 317 đi Dị Nậu</b>	
1	Đất hai bên đường liên xã từ ngã ba gặp tỉnh lộ 317 đi xã Dị Nậu	70,000
<b>N</b>	<b>Đất hai bên đường liên xã đối với các khu vực khác</b>	
1	Đất hai bên đường rẽ từ đờng 317 đến trạm y tế xã Phụng Mao	50,000
2	Đất hai bên đường từ giáp trạm y tế xã Phụng Mao đến gặp đường tránh lũ.	70,000
3	Đất hai bên đường từ Trung tâm xã Phụng Mao đi Láng Xèo	30,000
4	Đất hai bên đường từ UBND xã Đồng Luận đến cầu Trung Thịnh	150,000
5	Đất hai bên đường từ ngã 3 đờng 316 đến hết nhà ông Chuyên khu 3 xã Thạch Đồng	100,000
6	Đất hai bên đường từ ngã 3 nhà ông Chuyên rẽ đi khu 2 đi Đào Xá - địa phận xã Thạch Đồng	50,000
7	Đất hai bên đường từ ngã 3 nhà ông Chuyên rẽ đi khu 7 đi Đào Xá - địa phận xã Thạch Đồng	50,000
<b>O</b>	<b>Đất khu vực đường quy hoạch vùng nước nóng xã Bảo Yên</b>	
1	Đất hai bên đường các trục đường quy hoạch 6 m trở lên	200,000
2	Đất hai bên đường các trục đường quy hoạch 4-5 m	150,000
3	Đất hai bên đường các trục đường quy hoạch 3 m	120,000
<b>P</b>	<b>Khu trung tâm huyện lỵ</b>	
1	Đất hai bên đường từ Bu điện huyện Thanh Thủy đến đầu dốc đường nắn mới mở (Công nhà Ông Kiên)	500,000
2	Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 316 (nhà ông Minh Xuân) đến ngã 3 hết đất thổ cư nhà ông Tuyết khu 5 (dọc đường xanh)	400,000
3	Đất hai bên đường từ ngã 3 công Bưu điện huyện qua công Huyện uỷ đến ngã 3 (giáp nhà ông Tuyết khu 5)	400,000
4	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Tuyết khu 5 đến hết nhà ông Mão Thủy khu 5 (điểm đầu vào đường chiến lược)	150,000
5	Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 316 (nhà ông Thanh Thường) đến nhà ông Phúc khu 6	400,000
6	Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 316 (nhà ông Toàn Hồng) đến đường xanh	400,000
7	Đất hai bên đường từ sau nhà ông Thành Hà đến nhà ông Sinh Thông gặp đường tỉnh lộ 316 đi Thanh Sơn (đường chiến lược)	200,000
8	Đất hai bên đường từ ngã tư (ao anh Toán) đến giáp ao Mỳ (phía đối diện công nhà ông Long)	200,000
9	Các lô còn lại theo hai bên các nhánh đường mới mở thuộc khu	100,000

	Ao San	
10	Đất hai bên đường nhánh khu dân cư 6 còn lại	200,000
11	Đất hai bên đường từ ngã t xóm Táo (nhà Ô Minh Xuân) đến trạm bơm tiêu	600,000
12	Đất hai bên đường từ trạm bơm tiêu đến chân đồi Ô rô ( khu 1-2)	300,000
13	Đất 2 bên đường từ tỉnh lộ 317 rẽ đi khu du lịch nước khoáng nóng đến hết nhà ông Nê khu 1	400,000
14	Đất đồi hai bên đường nhánh khu dân cư còn lại	30,000
15	Đất bãi hai bên đường nhánh còn lại	50,000
16	Đất hai bên đường ven sông Đà (đường 317 ) từ giáp xã Tân Phương đến hết công Đài truyền thanh huyện	300,000
17	Đất hai bên đường ven phố từ công Bru Điện huyện đến công nghĩa trang liệt sỹ xã La Phù	900,000
18	Đất hai bên đường Từ ngã ba (trạm thuế) đến hết đất nhà ông Minh Xuân	900,000
19	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà ông Minh Xuân đến hết địa phận xã La Phù (giáp Thạch Khoán)	800,000
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đất đó.</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
1	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
2	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	

### **PHỤ LỤC CÁC XÃ: GỒM 15 XÃ**

1. Xã Trung du: gồm 4 xã: Đồng Luận, Đoan Hạ, Bảo Yên, Xuân Lộc .
2. Xã Miền núi: gồm 11 xã:  
Tu vũ, Yên mao, Phượng Mao, Trung nghĩa, Trung Thịnh, Hoàng Xá, Sơn Thủy, La Phù, Tân Phương, Thạch đồng, Đào Xá .



**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN HẠ HOÀ**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
	<b>Đường quốc lộ</b>	
<b>1</b>	<b>Đường quốc lộ 70 đi Yên Bái từ Km 19 đến Km 22 xã Đại Phạm</b>	120,000
<b>2</b>	<b>Đường QL 32c từ xã Minh Côi đến xã Hiền Lương</b>	
	Đất hai bên đường từ giáp Ngòi Giành đến hết nhà Anh Thụ ( Chợ Minh Côi)	150,000
+	Đất hai bên đường từ giáp nhà anh Thụ đến đường rẽ vào UBND xã Minh Côi	220,000
+	Đất hai bên đường từ đường rẽ vào trụ sở UBND xã Minh Côi đến ngòi Văn Lang	140,000
+	Đất hai bên đường từ ngòi Văn Lang đến cầu Lường xã Xuân Áng	140,000
+	Đất hai bên đường từ cầu Lường đến cổng phòng khám đa khoa xã Xuân Áng	250,000
+	Đất hai bên đường từ cổng phòng khám đa khoa Xuân Áng đến hết nhà ông Mai xã Hiền Lương	140,000
+	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Mai đến hết nhà ông Phúc xã Hiền Lương	180,000
+	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Phúc đến cầu bê tông (Gần chợ Hiền Lương)	300,000
+	Đất hai bên đường từ nhà ông Nghiệp đến hết nhà ông Minh Ký	250,000
+	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Ký đến hết nhà ông Thắng	150,000
+	Đất hai bên đường từ trụ sở UBND xã Hiền Lương từ ngã ba chợ Hiền Lương đến nhà ông Phương (sửa xe máy)	200,000
+	Đất hai bên đường đi Quân Khê từ giáp nhà ông Phương( Sửa xe máy) đến giáp xã Quân Khê	150,000
	<b>Đường Tỉnh lộ</b>	
<b>1</b>	<b>Đất hai bên đường Tỉnh lộ 314D từ Yên Kỳ đi Âm Thượng (311 cũ)</b>	
+	Đất hai bên đường từ giáp Hanh Cù đến ngã ba xã Yên Kỳ	60,000
+	Đất hai bên đường từ ngã ba Yên Kỳ đến cổng trường cấp 1 Yên Kỳ	80,000
+	Đất hai bên đường từ cổng trường cấp I Yên Kỳ đến Đồng bừa xã Hương Xạ	60,000
+	Đất hai bên đường từ Đồng bừa đến ngã ba đường rẽ trụ sở UBND xã Hương Xạ	150,000
+	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ trụ sở UBND xã Hương Xạ đến ngã 3 Cáo Điền	70,000
+	Đất hai bên đường từ ngã 3 xã Cáo Điền đến ngã 3 Phương Viên	70,000
+	Đất hai bên đường từ ngã 3 xã Phương Viên đến ngã 3 làng Trâm xã Âm Hạ	110,000

+	Đất hai bên đường từ ngã 3 làng Trầm Âm Hạ đến hết cổng nhà anh Toàn Âm Hạ	130,000
<b>2</b>	<b>Đất 2 bên đường Tỉnh lộ 314E từ Chu Hưng đến Âm Thượng</b>	
+	Đất hai bên đường từ giáp nhà anh Toàn Âm Hạ đến gò Đầm Đàng Âm Hạ	180,000
+	Đất hai bên đường từ Đầm Đàng Âm Hạ đến trạm biển áp Âm Hạ	<b>180,000</b>
+	Đất hai bên đường từ giáp trạm biển áp Âm Hạ đến giáp xã Âm Thượng	80,000
<b>3</b>	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 320</b>	
	Đoạn từ giáp thị trấn Hạ Hoà đến Nhà máy gạch Tuy nen	<b>30,000</b>
	Đoạn từ Nhà máy gạch Tuy nen đến đường rẽ vào trường cấp 2 Phụ Khánh	<b>80,000</b>
	Đoạn từ đường rẽ trường cấp 2 Phụ Khánh đến nhà Ông Th xã Đan Thượng	<b>30,000</b>
	Đoạn từ nhà Ông Th xã Đan Thượng đến hết nhà Ông Dũng Đan Thượng	<b>100,000</b>
	Đoạn từ giáp nhà Ông Dũng đến giáp nhà Ông Ngô Lợi Đan Thượng	<b>30,000</b>
	Đoạn từ nhà Ông Ngô Lợi đến nghĩa trang Đan Thượng	<b>50,000</b>
	Đoạn từ nghĩa trang Đan Thượng đến hết UBND xã Đan Hà	<b>30,000</b>
	Đoạn từ giáp UBND xã Đan Hà đến đường sắt	<b>50,000</b>
	Đoạn từ đường sắt rẽ đi Hậu Bồng đến giáp nhà máy chè Phú Cường	<b>30,000</b>
	Đoạn từ nhà máy chè Phú Cường đến hết ngã ba Hậu Bồng	<b>80,000</b>
	Đoạn từ ngã ba Hậu Bồng đến hết địa phận tỉnh Phú thọ	<b>30,000</b>
	Đoạn từ Thị trấn Hạ Hoà đến đường đê bao Minh Hạc	<b>100,000</b>
	Đoạn từ đường đê bao Minh Hạc đến đường rẽ UBND xã Lang Sơn	<b>30,000</b>
	Đoạn từ đường rẽ UBND xã Lang Sơn đến bến đò Lang Sơn	<b>50,000</b>
	Đoạn từ đường rẽ bến đò Lang Sơn đến ngòi trang Mai Tùng	<b>30,000</b>
	Đoạn từ Ngòi Trang Mai Tùng đến giáp xã Vụ Cầu	<b>50,000</b>
	<b>Đường Huyện lộ</b>	
<b>1</b>	<b>Tuyến đường P1 từ ngã 3 Chu Hưng đi Đại Phạm</b>	
+	Đất hai bên đường từ cổng trường cấp II Âm Hạ đến cổng trường cấp I Âm Hạ	50,000
+	Đất hai bên đường từ cổng trường cấp I Âm Hạ đến cổng trụ sở UBND xã Đại Phạm	<b>35,000</b>
+	Đất hai bên đường từ cổng trụ sở UBND xã Đại Phạm đến giáp đường quốc lộ 70( Km22)	<b>35,000</b>
<b>2</b>	<b>Tuyến đường P7 từ Xuân Áng đi trại Tân Lập</b>	
+	Đất hai bên đường từ cửa hàng bách hóa cũ đến hết ngân hàng Xuân Áng	80,000

+	Đất hai bên đường từ giáp ngân hàng Xuân Áng đến công trạm Y tế xã Xuân Áng	50,000
+	Đất hai bên đường từ công trạm Y tế đến công nhà anh Tuấn Mùi Xuân Áng	40,000
+	Đất hai bên đường từ công nhà anh Tuấn Mùi đến trại Tân Lập	<b>15,000</b>
<b>3</b>	<b>Đất khu dân cư xã trung du (01 xã Vụ Cầu)</b>	
+	Đất trung tâm xã 2 bên đường tỉnh lộ 320 thuộc xã Vụ Cầu	50,000
+	Đất Khu trung tâm	80,000
+	Đất khu vực còn lại	<b>30,000</b>
<b>4</b>	<b>Đất khu dân cư xã miền núi 32 xã có phụ lục kèm theo</b>	
+	Đất trung tâm xã ven hai bên đờng huyện lộ	<b>35,000</b>
+	Đất khu chợ	<b>70,000</b>
+	Đất khu vực còn lại	30,000
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, Sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
+	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
+	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	
<b>IV</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>	
+	Đất hai bên đường TL 314E (312 cũ) ngã 3 bưu điện đến ngã 3 chợ ( từ nhà ông Phụng đến hết nhà ông Xuân)	600,000
+	Đất hai bên đường từ ngã 3 chợ đến trạm thuế (từ nhà ông Dần đến hết trạm Thuế)	450,000
+	Đất hai bên đường từ Trạm thuế đến khu tập thể Công an trại Tân Lập	220,000
+	Đất hai bên đường từ nhà Xuân Chân đến hết bến xe khách	550,000
+	Đất hai bên đường từ bến xe khách đến trạm biến áp	120,000
+	Đất hai bên đường từ trạm biến áp đến giáp Minh Hạc ( Nhà ông Thành)	100,000
+	Đất hai bên đường từ TL 314E (312 cũ) đi khu 4 ( Quy hoạch ) đến đường sắt	70,000
+	Đất hai bên đường từ bưu điện (nhà ông Phụng đến đường rẽ bên đò Chuế Lưu)	200,000
+	Đất hai bên đường đi Y sơn từ nhà ông Dư đến nhà ông Bằng lái đò	<b>140,000</b>
+	Đất hai bên đờng đi Y Sơn từ giáp nhà ông Bằng lái đò đến hết nhà ông Nghĩa	<b>120,000</b>
+	Đất hai bên đường đi Y Sơn từ giáp nhà ông Nghĩa đến giáp xã Y Sơn	<b>100,000</b>
+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ kênh tiêu Lừa Việt đến hết cây xăng	260,000
+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ cây xăng đến đường rẽ vào trường cấp 3	200,000
+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ nhà ông Hậu(xe máy) đến hết nhà bà Oanh Hành	80,000

+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ giáp nhà Oanh Hành đến hết nhà ông Tâm Thông	150,000
+	Đất 2 bên đường từ Âm Hạ rẽ vào xóm (Bà Nhung Bát) đến hết nhà bà Dung Khánh	100,000
+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ giáp nhà bà Dung Khánh đến cổng trường cấp I	150,000
+	Đất 2 bên đường đi Âm Hạ từ nhà ông Phạm Dung đến đường vành đai quy hoạch	90,000
+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ đường vành đai quy hoạch đến đường rẽ vào nhà ông Thiệp	70,000
+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ đường rẽ vào nhà ông Thiệp đến giáp xã Âm Hạ	50,000
+	Đất hai bên đường quy hoạch từ giáp TL 314 E đến hết nhà bà Tiến Cần	40,000
+	Đất hai bên đường quy hoạch từ giáp nhà bà Tiến Cần đến đường bê tông	30,000
+	Đất hai bên đường vào trường cấp 3 từ nhà anh Hậu đến nhà anh Hòa (phòng GD)	100,000
+	Đất hai bên đường vào công ty giấy Lửa Việt từ nhà bà Lý Loan đến hết nhà Lý Kiêm	160,000
+	Đất hai bên đường vào công ty giấy Lửa Việt từ nhà anh Bang Y tá đến sân bóng Lửa Việt	70,000
+	Đất hai bên đường vào công ty giấy Lửa Việt từ nhà anh Tài đến nhà bà Thao Thả	70,000
+	Đất 2 bên đường bê tông từ nhà bà Tâm Kính đến giáp đường TL 314 (Ô.Tân Sùng)	70,000
+	Đất hai bên đường đi Bờ dài từ nhà ông Kiêm đến đập Bờ dài	100,000
+	Đất hai bên đường trước cửa nhà Bia từ nhà ông Ba đến nhà ông Mậu	150,000
+	Đất hai bên đường từ TT chính trị đến giáp đường vào trường cấp 3	110,000
+	Đất 2 bên đường vào TT Y Tế Hạ Hòa từ sau nhà ông Thỏa đến hết nhà ông Thụy	250,000
+	Đất hai bên đường vào TT Y Tế Hạ Hòa từ sau nhà ông Thụy đến hết nhà ông Tâm Dương	150,000
+	Đất hai bên đường từ nhà anh Bảy bác sỹ đến đường sắt	150,000
+	Đất hai bên đường bê tông từ ngã tư TT Y Tế song song với đường sắt từ nhà anh Việt đến nhà ông Quế	80,000
+	Tuyến đường từ TL 314 E lên chùa Kim sơn (bên phải) từ nhà bà Uyển đến cổng chùa	150,000
+	Đất hai bên đường từ TL 314 E lên chùa Kim Sơn (bên trái) từ trạm biến áp đến cổng chùa	100,000
+	Đất hai bên đường song song giáp đường sắt ( Sau công an huyện)	70,000
+	Đất hai bên đường từ Viện Kiểm Sát - Tòa án đến chợ	150,000
+	Đất hai bên đường sau Viện Kiểm Sát giáp với đường sắt	150,000

+	Đất hai bên đường bê tông sau Kho bạc từ nhà ông Hậu Nguyễn đến đường rẽ vào trường cấp 3	120,000
+	Đất hai bên đường bê tông từ nhà anh Hoàn đến nhà anh Đạo	60,000
+	Đất hai bên đường vào trường cấp 3 (Quy hoạch) từ trạm biến áp đến đường sắt	60,000
+	Khu vực còn lại	<b>50,000</b>
<b>V</b>	<b>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó .</b>	
<b>VI</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
+	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
+	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng mức giá cao nhất	

## DANH MỤC THỊ TRẤN, XÃ

### I Các trục đường chính:

#### 1 Đường quốc lộ:

Quốc lộ 70: Từ Km 19 đến Km 22 xã Đại Phạm

Quốc lộ 32C: Đường từ ngòi Giành xã Minh Côi đến xã Hiền Lương

#### 2 Đường tỉnh lộ:

Đường 314 từ xã Yên Kỳ đi Âm Thượng (Km 15)

#### 3 Đường huyện lộ:

a Đường P1 từ ngã 3 Chu Hưng đi Km 22 Đại Phạm

b Đường P2 từ xã Vụ cầu đi Liên Phương (Đường kết hợp đê)

c Đường P3 từ Đan Thượng đi Đan Hà

d Đường P4 từ Vĩnh Chân đi Yên Lập

e Đường P5 từ Cáo Điền đi Tây Cốc

g Đường P6 từ Bằng Giã đi Mỹ Lung (Yên Lập)

h Đường P7 từ Xuân Áng đi trại Tân Lập

### II Các xã trong huyện:

#### 1 Thị trấn (01)

Thị trấn Hạ Hoà

#### 2 Xã trung du (01)

Xã Vụ Cầu

#### 3 Xã Miền núi (31):

Ám Hạ, Phương Viên, Hương Xạ, Yên Kỳ, Cáo Điền, Yên Luật, Hà Lương, Đại Phạm, Phụ Khánh, Lệnh Khanh, Y Sơn, Hậu Bồng, Bằng Giã, Chuế Lưu, Vô Tranh, Lâm Lợi, Động Lâm, Quân Khê, Xuân Áng, Hiền Lương, Minh Côi, Mai Tùng, Đan Hà, Đan Thượng, Gia Điền, Minh Hạc, Văn Lung, Lang Sơn, Chính Công, Vĩnh Chân, Liên Phương

**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN THANH BA***ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>*

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
<b>a</b>	<b>Đất hai bên đường QL 2 thuộc khu vực xã Năng Yên</b>	150,000
<b>b</b>	<b>Đất hai bên đường TL 314 Khải Xuân - TThị trấn (Trừ khu vực TT) 311 cũ</b>	
1	Đoạn từ ranh giới huyện (Khải Xuân) đến cách chợ Khải Xuân 150m	150,000
2	Đất 2 bên đường khu vực chợ Khải Xuân 150m (về 2 phía)	350,000
3	Đất từ cách chợ Khải Xuân 150m đến hết cổng nhà máy M1	160,000
4	Đoạn từ giáp cổng nhà máy M1 đến cách chợ Võ Lao 100M	130,000
5	Đoạn khu vực chợ Võ Lao dài 100m (về 2 phía)	400,000
6	Đoạn từ cách chợ Võ Lao 100m đến nhà ông Hải (cầu Võ Lao)	150,000
7	Đoạn từ nhà ông Hải đến ngã 3 Sen (N. Dân)	80,000
8	Đoạn từ giáp ngã 3 Sen (Ninh Dân) đến hết biển thể xã Ninh Dân	500,000
9	Đoạn từ biển thể Ninh Dân đến nhà cô Toàn (GV cấp 3)	800,000
10	Đất 2 bên đường đoạn đường từ giáp nhà cô Toàn (GV cấp 3) đến ranh giới với thị trấn	500,000
11	Đoạn từ trường chuyên Đồng Xuân đến hết nhà ông Đằm (làm nghề mộc) Đồng Xuân	300,000
12	Đoạn từ giáp nhà ông Đằm (làm nghề mộc) đến hết đường rẽ đi nông trường Vân Lĩnh	200,000
<b>c</b>	<b>Đất hai bên đường TL 314D Tuyến Đồng Xuân - Cáo Điền - 311 cũ</b>	
1	Đoạn từ đường rẽ đi nông trường đến cổng trụ sở Thanh Vân	150,000
2	Đoạn từ cổng trụ sở Thanh Vân đến cách ngã 3 Hanh Cù 100m	120,000
3	Khu ngã 3 Hanh Cù: Đoạn từ cách ngã 3 Hanh Cù 100m (hớng Thanh Vân xuống) đến biển thể Hanh Cù (đốc Hanh cù hướng Yên Khê) và từ ngã ba Hanh Cù (100m) hướng Hạ Hoà xuống .	250,000
4	Đoạn từ cách ngã 3 Hanh Cù 100m (hướng đi Hạ Hoà) đến cổng trường học Hanh Cù	150,000
5	Đoạn từ trường học Hanh Cù đến ranh giới Thanh Ba, Hạ Hoà	90,000
<b>d</b>	<b>Đất 2 bên đường TL 314B tuyến Đào Giã - Chân Mộng (trừ thị trấn)-312 cũ</b>	
1	Đoạn từ Chân Mộng (Ranh giới huyện Thanh Ba) đến cầu nhà ông Vạn (xã Đại An)	80,000
2	Đoạn từ nhà ông Vạn đến hết nhà ông Sự (mổ lợn)	90,000
3	Đoạn từ giáp nhà ông Sự đến cách ngã 3 Đồng Lương 50m	100,000
4	Đoạn từ cách ngã 3 Đồng Lương 50m đến ranh giới thị trấn (bưu điện Thái Ninh)	120,000
<b>e</b>	<b>Đất 2 bên đường TL 314C tuyến Đồng Xuân - Vũ Yển (trừ thị</b>	

	<b>trần)- 312 cũ</b>	
5	Đoạn từ cầu Rượu (ranh giới thị trấn) đến hết nhà bà Nhung (thuế)	200,000
6	Đoạn từ giáp nhà bà Nhung (thuế) đến hết cầu đen (Yên Khê)	90,000
7	Đoạn từ giáp cầu Đen đến cây xăng (Yên Khê)	150,000
8	Đoạn từ cây xăng Yên Khê đến hết nhà ông Tuấn (GD phân lân)	200,000
9	Đoạn từ giáp nhà ông Tuấn đến công phân lân cũ	130,000
10	Đoạn từ giáp công phân lân cũ đến hết nhà ông Kiểm xã Vũ yên	170,000
11	Đoạn từ giáp nhà ông Kiểm xã Vũ yên đến dịch vụ phân lân	120,000
12	Đoạn từ giáp dịch vụ phân lân đến hết đường sắt cắt ngang	150,000
13	Đoạn từ giáp đường sắt cắt ngang đến hết chân đê sông Hồng	300,000
<b>f</b>	<b>Đất 2 bên đường TL 313 tuyến Phú Thọ- bến phà Tình Cương</b>	
1	Đoạn từ giáp TX Phú Thọ đến HTX mua bán cũ (áp phích Thanh Hà)	350,000
2	Đoạn từ giáp HTX mua bán cũ đến chân dốc đê sông Hồng	150,000
3	Đoạn từ đê sông Hồng đến bến phà Tình Cương	160,000
<b>g</b>	<b>Tỉnh lộ 320</b>	
4	Đất hai bên đường TL 320 (Trừ hành lang đê sông Hồng) - 313B cũ	50,000
<b>h</b>	<b>Tỉnh lộ 320C</b>	
5	Đất 2 bên đường TL tuyến Ninh Dân đến giáp ranh TX Phú Thọ	70,000
<b>I</b>	<b>Đường huyện lộ</b>	
1	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Yên Khê- Hanh Cù	
	Đoạn từ ngã 3 Yên Khê đến trường mầm non xã Yên Khê	200,000
	Đoạn từ trường MN xã đến cách ngã 3 Hanh Cù 400m	100,000
	Đoạn thuộc thị trấn Vân Lĩnh cũ	180,000
2	Đất 2 bên đường huyện lộ từ ngã 3 cây thị đi nông trường Vân Lĩnh cũ	
	Đoạn từ ngã ba cây thị đến công nhà ông Khuất Minh	150,000
	Đoạn từ công nhà ông Khuất Minh đến cách TT Vân Lĩnh cũ 50m	100,000
3	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Thanh Hà - Đỗ Sơn	70,000
4	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Võ Lao - Quảng Nạp	50,000
5	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Đại An - Năng Yên	40,000
6	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Thanh Xá - Yên Nội - Hoàng Cương	
	Đoạn từ tỉnh lộ 314 đến nhà ông Đạo (Yên Nội)	130,000
	Đoạn từ nhà ông Đạo đến đường sắt ( Hoàng Cương)	80,000
7	Đất 2 bên đường huyện lộ (đường bê tông) tuyến Ninh Dân - Chí Tiên	
	Đoạn từ tỉnh lộ 314 đến đường rẽ (công Lữ đoàn 168)	150,000
	Đoạn từ đường rẽ Lữ đoàn 168 đến ngã 3 đường rẽ đi Hoàng Cương	100,000
	Đoạn từ ngã 3 đường rẽ đi Hoàng Cương đến UBND xã Chí Tiên	90,000
	Đoạn từ UBND xã Chí Tiên đến đê sông Hồng	130,000
8	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Thanh Vân - Đông Lĩnh	60,000

9	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến từ Đồng Xuân đến Phương Lĩnh	50,000
10	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Võ Lao - Đông Thành - Sơn Cương	
	Đoạn từ tỉnh lộ 314 (chợ Võ Lao) đến hết đất Võ Lao	100,000
	Đoạn từ giáp đất Võ Lao đi Đông Thành đến đường cấp phối tỉnh lộ Ninh Dân	40,000
	Đoạn từ giáp đường cấp phối ( Ninh Dân - Thanh Vinh) đến Sơn Cương	20,000
<b>i</b>	<b>Đất khu vực dân cư các xã vùng trung du</b>	
1	Đất thuộc khu vực trung tâm các xã và khu vực chợ	50,000
	Riêng trung tâm xã và chợ Vũ Yên	250,000
2	Đất 2 bên đường liên thôn các xã	25,000
3	Đất các khu vực còn lại thuộc các xã của cả 2 nhóm trên	20,000
<b>k</b>	<b>Đất các xã thuộc khu vực miền núi</b>	
1	Đất thuộc khu vực trung tâm các xã và chợ	45,000
	Riêng trung tâm xã và chợ xã Võ Lao, xã Khải Xuân	350,000
	Trung tâm xã và khu vực chợ xã Ninh Dân	900,000
2	Đất các khu vực còn lại của các xã trên	15,000
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở</b>	
	<b>thì tính theo giá đó</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ</b>	
	<b>Khu vực nội thị thị trấn Thanh Ba</b>	
1	Đường tỉnh lộ 314 từ công xí nghiệp chè đến hết nhà ông Tiến (đường rẽ Yên Nội)	
+	Đoạn từ công XN chè đến cổng trường TC Cơ điện	800,000
+	Từ giáp trường TC Cơ điện đến hết nhà ông Nhân bán đồ điện	1,000,000
+	Đoạn từ giáp nhà ông Nhân đến hết nhà ông Tiến (đường rẽ Yên Nội)	1,500,000
2	Đường từ ngã 3 Đào Giã đến công XN Chè Phú Thọ	500,000
3	Đường từ ngã 3 Đồng Xuân đến hết cầu trường chuyên	600,000
4	Đường từ nhà ông Tiến (đường rẽ Yên Nội) đến cầu Rượu	500,000
5	Đường từ ngã 3 Đào Giã đến Chân Mộng TL 314B - 312 cũ	
+	Đoạn từ ngã 3 Đào Giã đến hết nhà ông Hội ( Tài chính)	500,000
+	Đoạn từ giáp nhà ông Hội đến cổng Trung tâm GD thường xuyên	240,000



+	Đoạn từ công trung tâm GDTX đến hết khu vực thị trấn	180,000
6	Đường từ ngã 3 Đào Giã đi Phú Thọ TL314 (hết khu vực thị trấn)	500,000
+	Đường bê tông từ công XN Chè - Xi Măng - đến cây xăng	150,000
7	Đường tránh nội thị từ cầu Văng đến cây Xăng (Đồng Xuân)	
	Đoạn từ cầu Văng đến hết nhà ông Tám (khu 4 - TT)	300,000
	Đoạn từ giáp nhà ông Tám khu 4 - TT đến công trường cấp 2 (Đồng Xuân)	250,000
	Đoạn từ công trường cấp 2 đến cây xăng	300,000
8	Đường từ ngã 3 Đào Giã đi Hồ Nụ	
+	Đoạn từ ngã 3 Đào Giã đến cầu Bạch	100,000
+	Đoạn từ cầu Bạch đến hết khu vực Thị trấn	60,000
9	Đường từ nhà bà Yên (chè) đến công huyện uỷ	70,000
10	Đất vành đai chợ	700,000
11	Đất 2 bên đường tuyến từ nhà ông Tiên (thương binh) đi Yên Nội	
	Đoạn từ nhà ông Tiên đến chân dốc (đường rẽ vào nhà ông Tạng Chè)	300,000
	Đoạn từ chân dốc (đường rẽ) đến hết ranh giới TT	60,000
	Đất 2 bên đường liên thôn còn lại trong khu vực TT Thanh Ba	50,000
12	Đất các khu vực còn lại trong TT Thanh Ba	30,000
V	<b>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại Đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở</b>	
	<b>thì tính theo giá đó</b>	
VI	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	

## DANH MỤC THỊ TRẤN, XÃ

### I Các xã trung du (Có 5 xã):

Đỗ Xuyên, Đỗ Sơn, Lương Lỗ, Thanh Hà, Vũ Yên

1 Trung tâm các xã: Khu vực trụ sở UBND xã gồm xã: Đỗ Sơn, Thanh Hà, Đỗ Xuyên, Vũ Yên, Lương Lỗ

Tụ điểm là khu vực chợ ngã 3, ngã 4 có khả năng kinh doanh gồm có: Chợ Đỗ Xuyên

2 Vũ Yên, Đỗ Sơn.

### II Các xã Miền núi (Gồm 21 xã):

Thị trấn Thanh Ba, Năng Yên, Quảng Nạp, Đại An, Khải Xuân, Võ Lao, Thanh Vân, Đông Lĩnh, Thái Ninh, Chí Tiên, Đông Thành, Ninh Dân, Hanh Cù, Yên Khê, Đồng Xuân, Hoàng Cương, Thanh Xá, Mạn Lạn, Yên Nội, Phương Lĩnh, và Sơn Cương.

**1 Tỉnh lộ**

Tuyến Khải Xuân- Thị trấn Thanh Ba- Hanh Cù  
Tuyến Chân Mộng- Thị trấn Thanh Ba- Vũ Yên  
Tuyến đường 313 Thanh Hà- bến phà Sơn Cương  
Tuyến Ninh Dân - Đông Thành - Thanh Vinh (Phú Thọ)  
Đông Xuân- Tây Cốc (Đoan Hùng)  
Tuyến đường 320 Sơn Cương- Vũ Yên

**2 Huyện lộ:**

Tuyến Ninh Dân - Yên Nội - Thanh Xá - Hoàng Cương  
Tuyến Võ Lao - Quảng Nạp  
Tuyến Đại An- Năng Yên  
Đông Lĩnh - Thanh Vân  
Thanh Hà - Đỗ Sơn  
Tuyến Võ Lao - Đông Thành - Sơn Cương  
Tuyến Ninh Dân - Chí Tiên  
Tuyến Yên Khê - Hanh Cù

**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN CẨM KHÊ**ĐVT: đ/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
1	Đối với xã Phương Xá và xã Phú Lạc thuộc ven đường 32C. (Kể cả khu Trụ sở UBND xã Phương Xá) .	350,000
2	Đối với các xã Hiền Đa, Cát Trù thuộc ven đường 32C.	300,000
3	Đối với xã Sai Nga đất hai bên đường đường quốc lộ 32C.	250,000
4	Đất ao hồ bám theo đường quốc lộ 32C của xã Phương Xá.	240,000
5	Đất 2 mặt đường QL 32C của các xã: Phú Lạc giáp Yên Tập, Điều Lương giáp Cát Trù qua Đồng lương đến sông Búra	200,000
6	Dọc theo đường Q L 32C của các xã: Phùng Xá, Sơn Nga, Tuy Lộc, Phú Khê, Yên Tập, Tinh Cương, Hiền Đa (giáp Tinh Cương), đường liên xã Đồng Cam đi Tùng Khê, mặt đường 313 thuộc xã, Thanh Nga và 2 bên đường qua đê của xã Cát Trù.	150,000
7	Đất ven đường 313 thuộc xã Sơn Tinh, Hương Lung và đất ven đường liên thôn xã Phương Xá.	100,000
8	Đất 2 bên đường 98 cũ từ Phú Lạc đến Hương Lung và đất Hồ ao, Thùng đào, ven đường 32C của các xã Tuy Lộc, Tinh Cương, hai bên đường rặng nhãn và trung tâm xã Sai Nga.	80,000
9	Đoạn từ Bưu điện Phú Lạc đến nghĩa trang Phú Lạc	150,000
10	Đất 2 bên đường 323 từ Phương Xá- đi Lương Sơn. Tại trung tâm các xã: Đồng Cam, Văn Bán, Tam Sơn, Phượng vĩ.	100,000
11	Các vị trí còn lại dọc theo tuyến	45,000
12	Đất 2 bên đường TL 329 từ Đồng Lương, Hương Lung. Tại trung tâm UBND các xã: Đồng Lương, Yên Dương, Văn Khúc.	50,000
13	Các vị trí còn lại dọc theo tuyến	30,000
14	Đất 2 bên đường huyện lộ từ Xương Thịnh, Đồng Cam. Tại trung tâm UBND các xã: Xương Thịnh, Cấp Dẫn, Tùng Khê.	45,000
15	Các vị trí còn lại dọc theo tuyến (Trừ đoạn ngã ba Đồng Cam tiếp giáp với đường 323)	30,000
16	Đất 2 bên đường huyện lộ từ Tuy Lộc đi Ngô xá, Phượng vĩ.	
a	Tại trung tâm UBND xã: Tuy Lộc.	80,000
b	Tại trung tâm xã Ngô Xá	45,000
c	Tại các vị trí còn lại dọc theo tuyến	30,000
20	Đất hai bên đường Đồng Cam đi Thụy Liễu- Ngô Xá- Phượng Vỹ	30,000
21	Đất tại trung tâm các xã: Chương xá; Thụy Liễu; Tạ Xá; Thanh Nga; Tiên Lương	40,000
22	Đất hai bên đường từ nghĩa trang Phú Lạc đi Chương Xá và đường từ Hiền Đa đi Văn Khúc	20,000
23	Đất dọc theo các đường liên thôn, liên xóm của các xã ( trừ thị trấn Sông Thao và xã Phương Xá)	10,000
24	Đất đồi gò giao thông không thuận tiện của tất cả các xã trên địa bàn huyện. (Trừ thị trấn Sông Thao)	5,000

<b>II</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất thì tính theo giá đó</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê một loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ</b>	
<b>1</b>	<b>Đường từ ngã tư thị trấn đến bến phà Tinh Cương (QL32C)</b>	
a	Đoạn từ ngã tư thị trấn đến hết nhà ông Phương Cảnh. Hai mặt tiền	900,000
b	Từ giáp ngõ nhà Ông Phương Cảnh đến hết nhà ông Long Thoa	80,000
c	Đoạn từ giáp nhà ông Phương Cảnh đến hết nhà ông Tuyệt Trai và nhà bà Xuân. Vị trí 2 mặt tiền	750,000
d	Ngõ vào băng 2 của Đông y + Bệnh viện (đến hết nhà ông Thăng)	90,000
<b>2</b>	<b>Đường từ ngã tư thị trấn đi Sai Nga</b>	
a	Đoạn từ ngã tư thị trấn đến nhà ông Việt Lợi và Giếng Cầu, 2 mặt tiền	900,000
<b>3</b>	<b>Đường từ ngã tư thị trấn đi Yên Lập</b>	
a	Đường từ ngã tư thị trấn đến đường rẽ đi Thanh Nga, (đến hết đất nhà ông Thanh)	950,000
b	Ngõ vào băng 2 chợ từ nhà ông Thợc Hằng đến hết nhà ông Tâm Ty	200,000
c	Ngõ vào băng 2 mức mả (từ nhà ông Cảnh Công an đến hết nhà ông Hải Nhạc)	90,000
d	Đoạn từ đường rẽ đi Thanh Nga đến hết đất của nhà Ông Chiến và công trường cấp 2. Hai mặt tiền	900,000
đ	Ngõ từ công trường cấp II đến hết nhà ông Đoàn Ánh	120,000
<b>4</b>	<b>Đường từ ngã tư đi bến đò Đông Viên sang Chí Chủ</b>	
a	Đoạn từ ngã tư thị trấn đến hết trạm quản lí điện Cẩm Khê và nhà bà Bình, hai mặt tiền	900,000
b	Ngõ vào băng 2 UBND huyện + ngân hàng (từ nhà ông D đến hết nhà ông Hoàng Ngân)	200,000
c	Đoạn từ trạm quản lí điện đến công trường mầm non Hoa hồng. Hai mặt tiền	500,000
d	Ngõ vào băng 2 từ trường Mầm non Hoa Hồng đến hết nhà ông Luân Nghiệp	100,000
<b>5</b>	<b>Đường 32C từ giáp nhà ông Tuyệt Trai đi bến phà</b>	
a	Đoạn từ nhà ông Tuyệt Trai đến hết nhà ông Tâm Thêm và nhà ông Thuyết.	600,000
b	Đoạn từ giáp nhà ông Tâm Thêm đến đầu dốc nghĩa trang và hết đất nhà ông Hiếu. Hai mặt tiền	350,000
c	Đoạn từ nhà ông Hiếu đến hết thị trấn	250,000
<b>6</b>	<b>Đường 313 từ công trường cấp II đi Yên Lập đến hết địa phận thị trấn. Hai mặt tiền</b>	350,000
a	Ngõ vào băng 2 cơ khí đến giáp đất của nhà ông Quý	75,000

7	<b>Đường quốc lộ 32C từ Giếng Cầu và nhà ông Việt Lợi đi Sai Nga đến hết địa phận Thị trấn.</b>	500,000
8	<b>Đường từ trường mầm non Hoa Hồng đi bến đò Đông Viên sang Chí Chủ đến hết địa phận</b>	
a	Đoạn từ cổng trường Mầm Non Hoa Hồng đến hết đất của nhà ông Tám Học và ông Thuật Dậu.	350,000
b	Đoạn từ đất nhà ông Lộc và ông Quyền đến hết đất thị trấn.	200,000
9	<b>Đất 2 bên đường vành đai thị trấn Sông Thao.</b>	
a	Hai đầu đường tiếp giáp QL 32C và ngã tư đường vành đai, đường đi bến đò Chí Chủ	250,000
b	Các vị trí còn lại dọc hai bên đường	100,000
10	<b>Đường liên thôn, liên xóm còn lại.</b>	40,000
11	<b>Đất còn lại thuộc thị trấn.</b>	30,000
V	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất thì tính theo giá đó</b>	
VI	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê một loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	

### DANH MỤC CÁC XÃ (31 xã)

1. Xã trung du (5 xã): Phương Xá, Đồng Cam, Sai Nga, Hiền Đa, Cát Trù

2. Xã miền núi (26 xã): Tiên Lương, Ngô Xá, Phượng Vũ, Tam Sơn, Thụy Liễu, Văn Bán, Tùng Khê, Cấp Dẫn, Sơn Tình, Xương Thịnh, Hương Lung, Tạ Xá, Chương Xá, Văn Khúc, Yên Dưỡng, Điều Lương, Đông Lương, Sơn Nga, Phùng Xá, Tuy Lộc, Thanh Nga, Phú Khê, Yên Lập, Phú Lạc, Tình Cương và Thị trấn Sông Thao

**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN ĐOAN HÙNG**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
<b>A</b>	<b>Đường Quốc lộ</b>	
<b>1</b>	<b>Đường QL 2</b>	
<b>a</b>	<b>Đất hai bên đường QL 2 thuộc xã Sóc Đăng</b>	
+	Đoạn từ cổng trường dân tộc nội trú đến trạm biến thế:	
-	Đoạn từ giáp cổng trường nội trú đến hết hồ Sóc Đăng	800,000
-	Đoạn từ giáp hồ Sóc Đăng đến hết trạm biến thế	700,000
+	Đoạn từ giáp trạm biến thế đến hết trạm kiểm soát liên hợp	500,000
+	Đoạn từ giáp trạm kiểm soát liên hợp đến hết địa phận Sóc Đăng	300,000
<b>b</b>	<b>Đất hai bên đường QL 2 thuộc xã Chí Đám</b>	
+	Đoạn từ đầu cầu Đoan Hùng đến hết trạm thuế Chí Đám	800,000
+	Đoạn từ K21 Tuyên Quang đến cổng Sư đoàn 316 cũ	600,000
+	Đoạn từ giáp trạm thuế Chí Đám đến hết Km 21 Tuyên Quang và đoạn từ cổng Sư đoàn 316 cũ đến hết địa phận xã Chí Đám	300,000
<b>c</b>	<b>Đất hai bên đường QL2 thuộc xã Chân Mộng</b>	
+	Đoạn từ Bru điện Cầu 2 đến nghĩa địa xã Chân Mộng	400,000
+	Đoạn từ giáp nghĩa địa xuôi Việt Trì đến hết địa phận xã Chân Mộng	250,000
+	Đoạn từ tiếp giáp Bru điện Cầu 2 ngược Tuyên Quang đến hết địa phận xã Chân Mộng	200,000
<b>d</b>	<b>Đất 2 bên đường QL2 thuộc xã Minh Tiến</b>	110,000
<b>e</b>	<b>Đất QL 2 xã Tiêu Sơn</b>	
	Đoạn từ đường rẽ vào chợ mới đến hết chợ cũ	150,000
	Đoạn từ chợ cũ đến giáp xã Minh Tiến	110,000
	Đoạn từ chợ mới đến giáp xã Yên Kịen	110,000
<b>f</b>	<b>Đất 2 bên đường QL2 xã Yên Kịen</b>	
	Đoạn từ Cầu Sắt đến hết chợ Yên Kịen	150,000
	Đoạn từ Cầu Sắt đến giáp xã Tiêu Sơn và từ Chợ Yên Kịen đến giáp xã Sóc Đăng	110,000
<b>2</b>	<b>Đường QL 70</b>	
<b>a</b>	<b>Đất hai bên đường QL 70 thuộc xã Tây Cốc</b>	
+	Đoạn từ cổng nhà ông Cương đến hết nhà bà Thông	800,000
+	Đoạn từ trạm thuế đến hết Công ty chè Phú bền	800,000
+	Đoạn từ giáp nhà bà Thông đến Km39 Yên Bái và đoạn từ giáp nhà ông Cương đến cổng lâm trường Đoan Hùng	500,000
+	Đoạn từ K39 đến hết xã Tây Cốc (giáp xã Phúc Lai)	200,000
+	Đoạn từ cổng lâm trường Đoan Hùng đến hết xã Tây Cốc (Giáp xã Ngọc Quan)	200,000
<b>b</b>	<b>Đất hai bên đường QL 70 thuộc xã Bằng Luân</b>	

	Đoạn từ nhà Ông Bảo đến trụ sở UBND xã	150,000
	Đoạn từ UBND xã Bằng Luân đến giáp với xã Minh Lương	110,000
	Đoạn từ D17 đến giáp xã Quế Lâm	110,000
-	Đoạn từ D17 đến nhà ông Bảo	300,000
<b>c</b>	<b>Đất 2 bên đường QL 70 xã Ngọc Quan</b>	
	Đoạn từ chợ mới đến hết đất X78	200,000
-	Đoạn từ X78 đến giáp xã Tây Cốc	150,000
-	Đoạn từ chợ mới đến giáp thị trấn Đoàn Hùng	150,000
<b>d</b>	<b>Đất 2 bên đường QL70 xã Quế Lâm</b>	
-	Đoạn từ UBND xã đến đường rẽ đi chợ Ngà	150,000
-	Đoạn từ UBND xã đến giáp xã Phúc Lai	110,000
-	Đoạn từ đường rẽ đi chợ Ngà đến giáp xã Bằng Luân	110,000
-	Đoạn từ xã Minh Lương đến giáp xã Bằng Luân và Đại Phạm	110,000
<b>e</b>	<b>Đất 2 bên đường QL70 xã Phúc Lai</b>	
-	Đoạn từ giáp xã Tây Cốc đến giáp xã Quế Lâm	110,000
<b>B</b>	<b>ĐẤT HAI BÊN ĐƯỜNG TỈNH LỘ</b>	
<b>1</b>	<b>Tỉnh lộ 319 từ Tây Cốc đi Cáo Điền Hạ Hoà</b>	
	Đoạn từ nhà máy chè Phú bèn đến giáp đường rẽ đi Phúc Lai	100,000
	Đoạn trung tâm xã Ca Đình	60,000
	Đất các khu vực còn lại	40,000
<b>2</b>	<b>Tỉnh lộ 331</b>	
	<b>Đoạn từ xã Sóc Đăng qua Hùng Long đi xã Vụ Quang</b>	
	Đất 2 bên đường thuộc xã Sóc Đăng	60,000
	Đất khu vực trung tâm xã Hùng Long, Vụ Quang	50,000
	Khu vực còn lại	40,000
<b>3</b>	<b>Tỉnh lộ 322 (328 cũ)</b>	
	Khu vực trung tâm xã Vân Du, Hùng Quan	60,000
	Khu vực trung tâm xã Nghinh Xuyên, Đông Khê	50,000
	Khu vực còn lại	40,000
<b>4</b>	<b>Tỉnh lộ 318, 318B, 318C ( 333 cũ)</b>	
	Đất 2 bên đường thuộc xã Yên Kiện	50,000
	Đất thuộc trung tâm xã Vân Đôn, Minh Phú	60,000
	Đất thuộc trung tâm xã Vụ Quang	50,000
<b>5</b>	<b>Tỉnh lộ 319 B (334 cũ)</b>	
	Đất hai bên đường xã Tây Cốc	60,000
	Đất khu Trung tâm xã Phúc Lai, Bằng doãn, Minh Lương	60,000
	Các khu vực còn lại	40,000
<b>6</b>	<b>Tỉnh lộ 319 C (334 cũ)</b>	
	Đất khu Trung tâm xã Minh Lương	60,000
	Các khu vực còn lại	40,000
<b>7</b>	<b>Tỉnh lộ 311</b>	
	Đất hai bên đường thuộc xã Minh Lương	60,000
<b>8</b>	<b>Tỉnh lộ 312</b>	
	Đất hai bên đường tỉnh lộ 312 thuộc xã Chân Mộng	60,000
<b>C</b>	<b>Đất dân cư nông thôn được xác định theo địa giới hành chính</b>	

	Đất khu vực trung tâm xã, khu vực chợ và đất 2 bên đường liên xã	30,000
	Đất hai bên đường liên thôn	20,000
	Đất khu dân c còn lại của các xã	10,000
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó .</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ</b>	
	<b>Thị trấn Đoan Hùng</b>	
<b>1</b>	<b>Đường quốc lộ 2</b>	
+	Đất 2 bên đường QL2 đoạn từ ngã 3 góc gạo đến hết trạm thú y	1,200,000
+	Đất 2 bên đường QL2 đoạn từ cổng trường dân tộc nội trú đến ngã 3 góc gạo	1,000,000
<b>2</b>	<b>Đường QL 70</b>	
+	Đất 2 bên đường đoạn từ ngã 3 Ngân hàng (QL2) đến cổng cận	1,200,000
+	Đất 2 bên đường đoạn từ giáp cổng cận đến hết nhà ông Thêm	700,000
+	Đất 2 bên đường đoạn từ giáp nhà ông Thêm đến hết thị trấn Đoan Hùng (giáp xã Ngọc Quan)	350,000
<b>3</b>	<b>Đất 2 bên đường đê từ ngã 3 góc gạo đi cầu Tế</b>	350,000
<b>4</b>	<b>Đường từ QL 2 vào cổng bệnh viện</b>	
	Đất 2 bên đường đoạn từ QL 2 vào Rạp chiếu bóng cũ	350,000
	Đất 2 bên đường Đoạn từ giáp Rạp chiếu bóng vào cổng bệnh viện	200,000
<b>5</b>	<b>Đường từ giáp QL2 vào cổng huyện Ủy</b>	
-	Đoạn từ giáp QL2 đến hết nhà ông Tuấn	350,000
-	Đoạn từ giáp nhà ông Tuấn đến cổng huyện Ủy	200,000
<b>6</b>	<b>Đường từ giáp QL2 đi tượng đài chiến thắng Sông Lô</b>	
-	Đoạn từ QL2 đến hết nhà ông Bao	200,000
-	Đoạn từ giáp nhà ông Bao đến bến phà cũ	100,000
<b>7</b>	<b>Đoạn từ cổng trường PTTH đến đầu cầu Đoan Hùng</b>	
-	Đoạn từ cổng trường PTTH đến đường rẽ đi Phong Phú	1,000,000
-	Đoạn từ đường rẽ đi Phong Phú đến đầu cầu Đoan Hùng	700,000
<b>8</b>	<b>Đường từ QL2 đi cầu Hiếu</b>	
-	Đoạn từ tiếp giáp QL2 đến hết viện kiểm sát cũ	350,000
-	Đoạn từ tiếp giáp Viện kiểm sát đến cầu Hiếu	100,000
<b>9</b>	<b>Đường từ ngã 3 góc gạo đi trạm bơm Sóc Đăng ( hết thị trấn)</b>	200,000
<b>10</b>	<b>Các đường nhánh còn lại và băng 2 của đường QL2 và QL 70</b>	100,000
<b>11</b>	<b>Đoạn từ trạm thú y đến cổng nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Đoan</b>	900,000



	<b>Hùng</b>	
<b>12</b>	<b>Đoạn từ công nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Đuan Hùng đến công trường THPT Đuan Hùng</b>	700,000
<b>13</b>	<b>Đoạn đường mới mở từ cầu Đuan Hùng đi tượng đài Chiến Thắng Sông Lô</b>	150,000
<b>14</b>	<b>Đất dân cư còn lại thuộc thị trấn</b>	30,000
<b>V</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại Đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó .</b>	
<b>VI</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục</b>	
	<b>đích công cộng</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	

### **DANH MỤC THỊ TRẤN, XÃ**

#### **1. Thị trấn (01)**

Thị trấn Đuan Hùng

#### **2. Cốc xó Miền nỳi (27 xó):**

Minh Lương, Bằng Luân, Bằng Doán, Quế Lỡm, Phỳc Lai, Tỡy Cốc, Ca Đỡnh, Ngọc Quan, Yờn Kiện, Hựng Long, Vỡn Đờn, Tiêu Sơn, Minh Tiến, Chân Mộng, Minh Phú, Vụ Quang, Đờng Khê, Nghinh Xuyên, Vân Du, Chí Đám, Hữu Đờ, Đại Nghĩa, Phú Thứ, Phương Trung, Phong Phú, Hùng Quan, Sóc Đấng.

**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN PHÙ NINH**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở NÔNG THÔN:</b>	
<b>A</b>	<b>Đất khu dân cư các xã Trung du: ( Gồm 4 xã có phụ lục đính kèm )</b>	
1	Đất thuộc trung tâm các xã, khu vực chợ.	80,000
2	Đất hai bên đường liên thôn, ( Hoặc đường xã, đường huyện ) ở các khu vực trung tâm đông dân cư.	70,000
3	Đất hai bên đường liên thôn ( hoặc đường xã, đường huyện ) còn lại.	60,000
4	Đất các khu vực dân cư còn lại của các xã.	30,000
<b>B</b>	<b>Đất khu dân cư các xã miền núi: ( Gồm 16 xã có phụ lục đính kèm )</b>	
1	Đất khu trung tâm các xã, khu vực chợ.	70,000
2	Đất hai bên đường liên thôn ( hoặc đường xã, đường huyện ) ở các khu vực TT đông dân cư ở.	40,000
3	Đất hai bên đường liên thôn ( hoặc đường xã, đường huyện ) còn lại.	30,000
4	Đất các khu dân cư còn lại của các xã.	15,000
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đất đó.</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó.	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất.	
	<b>ĐƯỜNG QUỐC LỘ VÀ TỈNH LỘ KHÁC</b>	
*	<b>Khu ngã ba Đền Hùng và quốc lộ II</b>	
1	Đất hai bên đường QLII đoạn từ ngã ba Đền Hùng đến đường rẽ vào khu tái định cư số 1 hết tường rào KCN Đồng Lạng.	1,920,000
2	Đường 323B (309 cũ)	
	Đất hai bên đường từ ngã ba Đền Hùng đi Kim Đức đến nhà ông Nguyễn Đức Lân ( cách ngã ba 60m ).	1,100,000
3	Đất hai bên đường từ đường rẽ vào khu tái định cư số 1 giáp tường rào KCN Đồng Lạng đến hạt giao thông 6.	1,320,000
4	Đất hai bên đường, đoạn từ Hạt giao thông 6 đến Cầu Móc ( Đường rẽ vào UBND xã Phù Ninh ).	1,020,000
5	Đất hai bên đường, đoạn từ Cầu Móc đến ngã ba Then và đến đỉnh dốc cao Phù Ninh hết Nhà ông Phạm Huy Toàn.	1,080,000

6	Đất hai bên đường, đoạn từ dốc cao Phù Ninh ( Nhà ông Toàn ) đến hết cầu Lầm.	960,000
7	Đất hai bên đường QLII từ giáp địa giới TT Phong Châu đến hết nhà ông Sự Điền ( Công an Phú Lộc ).	900,000
8	Đất hai bên đường quốc lộ II từ giáp nhà ông Sự đến hết Nhà ông Quýnh.	605,000
9	Đất hai bên đường quốc lộ II từ giáp nhà ông Quýnh đến hết buro điện Phú Lộc.	960,000
10	Đất hai bên đường quốc lộ II từ giáp buro điện xã Phú Lộc đến hết địa phận xã Phú Lộc.	420,000
11	Đất hai bên đường quốc lộ II từ cầu quan đến hết nhà ông Bảy Đậu.	420,000
12	Đất hai bên đường quốc lộ II từ giáp nhà ông Bảy Đậu đến đỉnh dốc Bò cày ( Lương thực cũ Thuộc xã Trạm Thản ).	330,000
13	Đất hai bên đường quốc lộ II từ dốc Bò cày( Lương thực cũ xã Trạm Thản ) đến cách ngã ba Trạm Thản 100m.	370,000
14	Đất hai bên đường cách ngã ba Trạm Thản 100m về phía đi Việt trì và 100m phía đi Đoan Hùng.	420,000
<b>ĐƯỜNG TỈNH LỘ:</b>		
<b>A</b>	<b>Đường 325B( Từ ngã ba Phù lỗ đi Tiên Kiên Lâm Thao) (310 cũ)</b>	
1	Đất hai bên đường, đoạn từ ngã ba Phù lỗ đến đường rẽ vào đền Mẫu Âu cơ 2 mặt tiền đường.	600,000
2	Đất hai bên đường, đoạn từ đường rẽ đi vào đền Mẫu Âu cơ đến hết địa phận thị trấn Phong Châu.	400,000
<b>B</b>	<b>Đường 323C từ giáp QLII đi Phà Then ( 307 cũ)</b>	
1	Đất hai bên đường từ giáp QLII đến quán ông Tâm giáp đường bê tông rẽ vào UBND xã Phù Ninh.	250,000
2	Đất hai bên đường từ đường bê tông rẽ vào UBND xã Phù Ninh đến cách ngã ba chợ An Đạo 50m.	170,000
3	Đất hai bên đường từ cách ngã ba chợ An Đạo 50m qua đường rẽ vào UBND xã An Đạo 200m.	350,000
4	Đất hai bên đường từ cách đường rẽ vào UBND xã An Đạo 200 m đến phà Then.	180,000
<b>C</b>	<b>Các đường khác:</b>	
1	Đất hai bên đường, đoạn ngã ba Trạm Thản đi Liên Hoa đến hết nhà ông Thân .	100,000
1	Đất hai bên đường từ QLII đến hết khu TT Y tế huyện Phù Ninh.	180,000
2	Đường tỉnh 323D (326 cũ)	
	Đất hai bên đường từ Quốc lộ II đi Bảo Thanh đến cây đa.	190,000
3	Đất hai bên đường từ quốc lộ II đi Phú Nham đến hết Ngân hàng cũ.	160,000

4	Các trục đường chính giáp thị trấn Phong châu: Đoạn đường cảng từ giáp thị trấn Phong Châu đến đất xã An Đạo ( Cổng cảng nguyên liệu), đoạn từ giáp thị trấn Phong Châu đến đất xã Phú Nham (Cổng bắc Công ty giấy) và các đoạn đường trục chính khác trong đường ở giáp đất thị trấn Phong Châu.	160,000
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ:</b>	
<b>A</b>	<b>Đất Thị trấn Phong Châu:</b>	
1	Đất hai bên đường (Đường Nam) từ giao quốc lộ II đến cổng chính Công ty giấy Bãi Bằng.	2,100,000
<b>B</b>	<b>Đường quốc lộ II:</b>	
1	Đất hai bên đường, đoạn từ cổng Khách sạn Bãi bằng đến hết nhà ông Hùng Tam.	1,320,000
2	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp nhà ông Hùng Tam đến hết nhà Phòng tài chính.	1,600,000
3	Đất hai bên đường, đoạn từ cửa hàng thương nghiệp đến hết nhà ông Nghĩa Dậu.	1,900,000
4	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp nhà ông Nghĩa Dậu đến hết nhà bà Thiết.	1,600,000
5	Đất hai bên đường từ cầu Lâm đến cổng Khách sạn Bãi Bằng.	1,100,000
6	Đất hai bên đường từ giáp nhà bà Thiết đến ngã ba lắp máy ( Đường rẽ đi cổng bắc ).	1,100,000
7	Đất hai bên đường, đoạn từ ngã ba lắp máy đến hết địa giới thị trấn Phong Châu.	1,100,000
<b>C</b>	<b>Đường khác:</b>	
1	Đất hai bên đường, đoạn từ cổng chính Công ty giấy ( Đi ra đường cảng ), đến đường rẽ sang khu Mã Thượng đến giáp đường ra cảng.	600,000
2	Đoạn từ đường rẽ sang khu Mã Thượng đến giáp đường ra cảng ( Phía trái đến cổng phèn - Phía phải đến cổng nhà ông Căn Lê ).	600,000
3	Đường trục chính từ giáp cổng chính Công ty giấy đi khu Nam Tiến.	400,000
4	Đất hai bên đường, đoạn từ nhà khách Công ty giấy qua cổng trường đào tạo đến giáp quốc lộ II.	800,000
5	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp quốc lộ II ( Giáp nhà ông Tâm Thanh ) đến bệnh xá Công ty giấy.	600,000
6	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp quốc lộ II ( Giáp nhà ông Tiến vôi ) đến hết nhà thi đấu Công ty giấy.	600,000
7	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp nhà ông Cao Kỳ đến hết nhà ông Triệu Vương Hà.	800,000
8	Đất hai bên đường, đoạn từ Ngã ba lắp máy đến cổng bắc Công ty Giấy ( Hết địa phận thị trấn Phong Châu ).	600,000

9	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp QLII ( Ngã ba thương nghiệp cũ ) qua khu TN cũ đến giáp đường nam ( Gần công chính Công ty giấy ).	700,000
10	Đất hai bên đường, đoạn từ QLII ( gần công UBND huyện ) đến hết nhà ông Sáng Mùi.	600,000
11	Đất hai bên đường, đoạn từ ngã ba Phù Lỗ đến nhà trẻ Phù Lỗ.	400,000
12	Đất hai bên đường, đoạn từ nhà trẻ Phù Lỗ đến giáp đường ống.	300,000
13	Đất hai bên đường, đoạn từ nhà ông Căn Lê ( Đường ra cảng ) đến hết địa phận thị trấn Phong Châu.	400,000
14	Đường trục chính còn lại khu Mã Thượng, Đồng Giao, Núi Trang, Bãi Thoi, Đường Nam, Núi miếu, Tầm vông ( Rải nhựa, có đèn đường), và đường trục chính các khu khác.	300,000
15	Đất còn lại của các ngõ ở trung tâm thị trấn và gần trung tâm .	180,000
16	Đất còn lại của các ngõ và các đường còn lại ở trung tâm thị trấn và gần trung tâm thị trấn.	180,000
17	Đất còn lại của các ngõ và các đường còn lại ở xa trung tâm thị trấn ( Khu 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 ).	100,000
<b>V</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại Đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đất đó.</b>	
<b>VI</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó.	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất.	

### **PHỤ LỤC CÁC XÃ (20 XÃ)**

Trong đó:

1. Xã Trung du: 04 xã gồm: Hùng Lô, Vĩnh Phú, Tử Đà, Bình Bộ

2. Xã Miền núi: 16 xã gồm: Kim Đức, Phù Ninh, An Đạo, Tiên Du, Phú Nham, Phú Lộc, Tiên Phú, Hạ Giáp, Trung Giáp, Bảo Thanh, Gia Thanh, Trì Quận, Trạm Thản, Liên Hoa, Phú Mỹ, Thị trấn Phong Châu.

**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN YÊN LẬP**DVT: Đồng/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>A</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
<b>I</b>	<b>Các tuyến đường chính</b>	
<b>1</b>	<b>Tỉnh lộ 321 (qua các xã Hưng Long, Xuân Thủy, Xuân Viên, Xuân An, Lương Sơn, Mỹ Lương, Mỹ Lung.</b>	
<b>a</b>	<b>Hưng Long</b>	
	Từ công trường THPT Yên Lập đến lối rẽ Hồ Mè	100,000
	Từ giáp lối rẽ Hồ Mè đến hết ngã ba Tân Hương	200,000
	Từ ngã 3 Tân Hương đến đập tràn Đồng Bành	70,000
<b>b</b>	<b>Xuân Thủy</b>	
	Khu trung tâm xã (Lối rẽ xóm Nứa đến hết trường THCS)	150,000
<b>c</b>	<b>Xuân Viên</b>	
	Khu trung tâm xã (Từ giáp trường THCS Xuân Viên đến hết nhà ông Huy)	150,000
<b>d</b>	<b>Xuân An</b>	
	Khu trung tâm xã (Từ ngã tư Quảng Thành đến hết nhà ông Sơn Giang)	150,000
<b>đ</b>	<b>Lương Sơn</b>	
	Khu trung tâm xã (Từ nhà ông Hiệu đến Cầu A)	200,000
<b>e</b>	<b>Mỹ Lương</b>	
	Khu trung tâm xã (Từ tràn ngòi Thiệu đến nhà ông Thuận)	150,000
<b>g</b>	<b>Mỹ Lung</b>	
	Đất hai bên ven đường cách trước chợ Mỹ Lung 100m đến cầu Ngòi Lao	100,000
<b>h</b>	Khu vực còn lại dọc tỉnh lộ 321	50,000
<b>2</b>	<b>Tỉnh lộ 313 D (qua xã Ngọc Lập, Phúc Khánh, Đồng Thịnh)</b>	
<b>a</b>	<b>Ngọc Lập</b>	
	Đất hai bên ven đường từ cầu góc Gạo đến lối rẽ Đài tưởng niệm	150,000
<b>b</b>	<b>Phúc Khánh</b>	
	Hai bên ven đường từ xưởng chè ông Quang đến công trường THCS Phúc Khánh	150,000
<b>c</b>	<b>Đồng Thịnh</b>	
	Đất hai bên ven đường từ giáp thị trấn Yên Lập đến Cầu Nghè	250,000
	Khu vực còn lại dọc tỉnh lộ 313	50,000
<b>3</b>	<b>Tỉnh lộ 320 (qua xã Đồng Lạc, Minh Hoà, Ngọc Đồng)</b>	
<b>a</b>	<b>Đồng Lạc</b>	
	Đất hai bên ven đường từ nhà ông Thịnh đến đài tưởng niệm	150,000
<b>b</b>	<b>Minh Hoà</b>	
	Đất hai bên ven đường từ tràn Đồng Guốc đến hết nhà ông Lý	150,000
<b>c</b>	<b>Ngọc Đồng</b>	
	Đất hai bên ven đường từ ngã ba Ngọc Đồng đến cầu Góc sông	100,000
<b>d</b>	Khu vực còn lại dọc tỉnh lộ 320	50,000

<b>4</b>	<b>Tỉnh lộ 321C (Lương Sơn- Phương Xá)</b>	
a	Từ bu điện Lương Sơn đến hết trụ sở Lâm trường A Mai	150,000
b	Khu vực còn lại dọc tỉnh lộ 32C	50,000
<b>5</b>	<b>Đất dọc đường huyện lộ thuộc xã Thượng long</b>	
a	Đất hai bên ven đường Cách từ lối rẽ đi xóm Đẳng đến lối rẽ vào nhà ông Kim Sàn	150,000
b	Khu vực còn lại	50,000
<b>6</b>	<b>Đất dọc đường huyện lộ xã Nga Hoàng.</b>	
a	Đất hai bên ven đường từ nhà ông Toàn đến hết nhà ông Hải	100,000
b	Khu vực còn lại	20,000
<b>7</b>	<b>Đất dọc đường tỉnh lộ xã Trung Sơn đường 321B</b>	
a	Đất hai bên ven đường từ nhà ông Lợi xóm Nai đến hết nhà ông Trà xóm Cả	50,000
b	Khu vực còn lại	10,000
<b>8</b>	<b>Đất dọc tuyến đường từ Trần Thiện đến ngã ba Hưng Long</b>	40,000
<b>9</b>	<b>Đất dọc các tuyến đường thôn xóm thuộc khu trung tâm xã và đất khu vực chợ các xã</b>	
a	Hưng Long, Lương Sơn, Đồng Thạch, Mỹ Lung, Xuân Thủy, Ngọc Lập, Xuân An, Xuân Viên, Mỹ Lương, Phúc Khánh, Thượng Long, Minh Hoà, Đồng Lạc	30,000
b	Nga Hoàng, Ngọc Đồng	20,000
c	Trung Sơn	10,000
<b>10</b>	<b>Đất khu dân cư còn lại của các xã</b>	5,000
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất thì tính theo giá đó</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê một loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	
<b>B</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ</b>	
<b>1</b>	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 313 (từ ngã ba hạt 8 giao thông đi Cẩm Khê)</b>	
a	Từ ngã ba hạt 8 giao thông đến hết trung tâm giáo dục thường xuyên	400,000
b	Từ giáp trung tâm giáo dục thường xuyên đến hết bu điện	500,000
c	Từ giáp bu điện đến lối rẽ vào công ty cổ phần và dịch vụ đô thị	700,000
d	Lối rẽ vào công ty cổ phần và dịch vụ đô thị đến hết ngã 3 bến xe	900,000
đ	Từ giáp ngã 3 bến xe đến đỉnh dốc thủy điện cũ	500,000
e	Từ giáp đỉnh dốc thủy điện cũ đến ngã 3 đường rẽ tỉnh lộ 330	100,000
<b>2</b>	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 321 (Ngã ba bến xe đi Mỹ Lung)</b>	
a	Từ giáp ngã 3 bến xe đến hết thổ cư bà Chát khu chùa 11	500,000
b	Từ giáp thổ cư bà Chát đến hết thổ cư bà Sao khu chùa 11	300,000
c	Từ giáp thổ cư bà Sao khu chùa 11 đến cổng trường THPT Yên	200,000

	Lập	
<b>3</b>	<b>Đất hai bên đường vành đai chợ thị trấn</b>	
a	Từ ngã 3 công chợ đến lối rẽ vào nhà ông Vị khu Tân An 3	700,000
b	Từ giáp lối rẽ vào nhà ông Vị Tân An 3 đến Hạt 8 giao thông	500,000
<b>4</b>	<b>Đất hai bên đường huyện lộ từ công an huyện đi Thượng Long</b>	
a	Từ ngã 3 công an đến hết ao cá Bác Hồ khu Trung Ngãi 5	500,000
b	Từ giáp ao cá Bác Hồ đến hết nhà bà Thế khu Trung Ngãi 5	250,000
c	Từ giáp nhà bà Thế đến hết nhà ông Thuật khu Đồng Cạn 8	150,000
d	Từ giáp nhà ông Thuật đến hết ranh giới thị trấn Yên Lập	100,000
<b>5</b>	<b>Đất hai bên đường từ ngã ba bưu điện đến hết trường mầm non huyện</b>	400,000
<b>6</b>	<b>Đất hai bên đường ngã ba bến Sơn 16 đến Trần Thiện</b>	40,000
<b>7</b>	<b>Đất hai bên đường liên thôn xóm qua các khu hành chính</b>	
a	Từ nhà ông Khoa đến hết nhà ông Quân khu Tân An 1	150,000
b	Từ giáp nhà ông Quân đến hết nhà ông Vinh khu Tân An 1	100,000
c	Các vị trí còn lại khu Tân An 1,2,3,4	50,000
<b>8</b>	<b>Đất các khu dân cư còn lại thuộc thị trấn Yên Lập</b>	30,000
<b>V</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất thì tính theo giá đó</b>	
<b>VI</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê một loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	

## PHỤ LỤC CÁC XÃ

1. Thị trấn: Thị trấn Yên Lập

2. Xã Miền núi (16 xã): Mỹ Lung, Mỹ Lương, Lương Sơn, Xuân An, Xuân Viên, Xuân Thủy, Nga Hoàng, Trung Sơn, Thượng Long, Hưng Long, Đồng Thịnh, Phúc Khánh, Ngọc Lập, Ngọc Đồng, Minh Hoà, Đồng Lạc



**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN LÂM THAO**DVT: đồng/m<sup>2</sup>;

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
	<b>Đất hai bên đường ven Quốc lộ 2</b>	
1	Đất hai bên đường từ Ngã 3 Đền Hùng đến hết nhà Dương Hợi	1,920,000
2	Đất hai bên đường từ nhà Dương Hợi đến hết địa phận xã Hy Cương	1,920,000
	<b>Đất hai bên đường ven Quốc lộ 32 C</b>	
1	Đoạn từ giáp địa phận xã Vân Phú đến hết nhà trẻ Ngọc Hoa xã Tiên Kiên	800,000
2	Đoạn Từ giáp Nhà trẻ Ngọc Hoa đến hết địa phận xã Tiên Kiên	900,000
3	Đất 2 bên đường đoạn từ giáp địa phận xã Tiên Kiên đến hết đường sắt cắt ngang vào ga Tiên Kiên	900,000
4	Đoạn từ giáp đường sắt cắt ngang vào ga Tiên Kiên đến hết nhà khách Super	1,100,000
5	Đoạn từ giáp nhà khách Super đến hết đường sắt cắt ngang vào N/M Super	1,300,000
6	Đoạn từ giáp đường sắt cắt ngang vào nhà máy Super đến hết đường rẽ vào Cầu Miếu xã Chu Hoá	800,000
7	Đoạn từ giáp đường rẽ vào Cầu Miếu xã Chu Hoá đến hết nhà Bà Tiết Ngọ- TT Lâm Thao	800,000
8	Đoạn từ giáp nhà bà Tiết Ngọ đến hết nhà ông Đình Phiên TT Lâm Thao	900,000
9	Đoạn từ giáp nhà ông Đình Phiên đến hết nhà Minh Mạnh Thị trấn Lâm Thao	900,000
10	Đoạn từ giáp nhà ông Minh Mạnh đến hết nhà ông Phùng TT Lâm Thao	1,100,000
11	Đoạn từ giáp nhà ông Phùng đến hết trại giống Hợp Hải	700,000
12	Đoạn từ giáp trại giống Hợp Hải đến cầu Phong Châu	600,000
	<b>Đất hai bên đường ven tỉnh lộ 325</b>	
1	Đoạn từ giáp ngã ba Đền Hùng đến hết nhà bà Bùi Thị Hợp Xã Hy Cương	1,100,000
2	Đoạn từ giáp nhà bà Bùi Thị Hợp đến hết nhà ông Huề Xã Hy Cương	500,000
3	Đoạn từ giáp nhà ông Huề đến hết nghĩa trang liệt sỹ xã Hy Cương	400,000
4	Đoạn từ giáp nghĩa trang liệt sỹ xã Hy Cương đến giáp đường QL 32c	400,000
	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 325B:</b>	
1	Đoạn từ giáp địa phận Thị trấn Phong Châu đến hết trường tiểu học Tiên Kiên	600,000
2	Đoạn từ giáp trường tiểu học Tiên Kiên đến hết nhà ông Hùng xã Tiên Kiên	500,000
3	Đoạn từ giáp nhà ông Hùng đến Ngã ba Tiên Kiên	600,000
	<b>Tỉnh lộ 320 và ven đê Sông Hồng</b>	
1	Đất hai bên đường tỉnh lộ 320 và ven đê Sông Hồng	180,000
	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 324B:</b>	

1	Đoạn từ giáp TL 324 ( Sơn Vy) đến hết địa phận xã Sơn Vy	350,000
2	Đoạn từ giáp tỉnh lộ 324 ( Cao Xá) đến hết địa phận xã Cao Xá:	350,000
3	Đoạn từ giáp địa phận xã Cao Xá, đến hết nghĩa Địa Vân Hùng xã Tứ Xã	400,000
4	Đoạn từ giáp nghĩa Địa Vân Hùng xã Tứ Xã đến hết nghĩa trang L.sỹ xã Tứ Xã	600,000
5	Đoạn từ giáp nghĩa trang liệt sỹ xã Tứ Xã đến đê Bản nguyên	400,000
6	Đoạn từ giáp Nhà Ông Yên Hùng Xã Tứ xã đến hết địa phận xã Tứ Xã đi Sơn Dương	500,000
7	Đoạn từ giáp địa phận xã Tứ Xã đến giáp đường Quốc lộ 32c	400,000
	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 324C:</b>	
1	Đoạn từ giáp nhà ông Phùng đến hết địa phận Thị Trấn Lâm Thao	1,000,000
2	Đoạn từ giáp địa phận TT Lâm Thao đến đường 324 rẽ đi Tứ Xã	700,000
3	Đoạn từ đường rẽ Sơn Vy đi Tứ Xã đến chân đê Sông Hồng xã Cao Xá	600,000
	<b>Đất hai bên đường các tuyến huyện lộ</b>	
1	Đường được trải nhựa hoặc bê tông	400,000
	<b>Đất hai bên đường liên xã và khu vực chợ</b>	
2	Đất hai bên đường liên xã và khu vực chợ xã Tứ Xã	300,000
3	Đất hai bên đường liên xã và khu vực chợ xã Sơn Vy	300,000
4	Đất hai bên đường liên xã và khu vực chợ các xã còn lại	200,000
	<b>Các khu dân cư tập trung mới, được đầu tư 1 phần kết cấu hạ tầng</b>	
1	Các khu dân cư tập trung mới, được đầu tư 1 phần kết cấu hạ tầng trên địa bàn xã Sơn Vy, TT Lâm Thao	210,000
2	Các khu dân cư tập trung mới, được đầu tư 1 phần kết cấu hạ tầng tại các xã còn lại	140,000
3	Riêng khu vực Trường cao đẳng Hoá	200,000
	<b>Khu vực Ấc Quy</b>	
1	Đất hai bên đường từ giáp đường 32C vào cổng nhà máy Ấc quy	300,000
2	Đất hai bên đường từ giáp đường 32C vào đến UBND xã Chu Hoá	600,000
3	Đất còn lại khu công nhân Ấc quy - Pin Vĩnh Phú	200,000
	<b>Các khu dân cư còn lại</b>	
	<b>Đất các khu vực tương đối thuận lợi về giao thông</b>	
1	Đất các khu vực tương đối thuận lợi về giao thông các xã Đồng bằng	130,000
2	Đất các khu vực tương đối thuận lợi về giao thông xã Miền núi	100,000
3	Riêng đất ven đường Bê Tông trước UBND xã Sơn Dương, song song với đường 324B	300,000
	<b>Đất các khu vực còn lại:</b>	
1	Xã Đồng Bằng	70,000
2	Xã Miền núi	40,000

<b>II</b>	<b>Đất Sản xuất , Kinh doanh phi nông nghiệp tại Nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó.</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng , an ninh ; đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó;	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất;	
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ</b>	
	<b>Khu vực Thị trấn Lâm Thao</b>	
1	Đất hai bên đường tránh QL32C từ nhà ông Đình Phiên đến Cầu Trắng	600,000
2	Đất hai bên đường tránh TL 324 từ Sơn Vy đến tiếp giáp QL 32C	800,000
3	Đất hai bên đường từ nhà Duy Hiệu đến giáp đê tả sông Hồng, đường TL 320	400,000
4	Đất hai bên đường từ nhà Ông Đình Phiên QL 32C đến giáp địa phận xã Sơn Vy	400,000
5	Đất hai bên đường từ TT GDTX đến tiếp giáp tỉnh lộ 308	400,000
6	Đất hai bên đường từ trụ sở UBND huyện đến Kho Thủy Nhật ( Cũ)	600,000
7	Đất hai bên đường từ Đảo tròn tới hết trường THCS Lâm Thao	600,000
8	Đất hai bên đường liên thôn	200,000
9	Đất hai bên đường khác còn lại	100,000
10	Đất các khu dân cư còn lại	80,000
	<b>Khu vực Thị trấn Hùng Sơn</b>	
1	Đất hai bên đường nối với quốc lộ 32C vào chợ và bao quanh chợ khu CN Super	500,000
2	Đất hai bên đường trong khu công nhân supe và khu vực Trường công nhân Hoá	300,000
3	Đất các khu dân cư còn lại	80,000
<b>V</b>	<b>Đất Sản xuất, Kinh doanh phi nông nghiệp tại Đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó.</b>	
<b>VI</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng , an ninh ; đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó;	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất;	

**DANH MỤC CÁC THỊ TRẤN , XÃ ( 17 ) .**

- 1 Thị trấn ( 2):** Thị trấn Lâm Thao; Thị trấn Hùng Sơn;
- 2 Xã Đồng bằng ( 10):**  
Cao Xá; Vĩnh Lại; Kinh Kệ; Tứ Xã; Sơn Vi; Sơn Dương; Hợp Hải; Thạch Sơn; Xuân Huy; Bản Nguyên;
- 3 Xã Miền núi ( 5 ) :** Hy Cương; Chu Hoá; Tiên Kiên; Xuân Lũng; Thanh Đình;

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2006/CT- UBND

Việt Trì, ngày 13 tháng 01 năm 2006

## **CHỈ THỊ**

### **Về việc tổ chức và đón tết nguyên đán Bính Tuất năm 2006**

Năm 2006 là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006- 2010, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh là phải nỗ lực phấn đấu cao hơn, vượt qua khó khăn thử thách, giành những thành tựu to lớn hơn trên tất cả các lĩnh vực; tạo bước chuyển mạnh mẽ hơn nữa về chất để tăng nhanh hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập và nâng cao đời sống nhân dân. Do đó việc tổ chức vui tết, đón xuân phải vừa phát huy được nét đẹp truyền thống trong sinh hoạt văn hoá, vừa tạo không khí phấn khởi, thi đua lao động sản xuất để hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ngay từ những ngày đầu năm. Để tạo điều kiện cho cán bộ, nhân dân đón tết Bính Tuất đảm bảo vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm, an toàn, UBND tỉnh chỉ thị:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị chỉ đạo chặt chẽ các cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý trong việc tổ chức cho cán bộ công chức, viên chức và nhân dân đón tết, đảm bảo vui tươi, lành mạnh, an toàn và tiết kiệm, không xa hoa, lãng phí. Tiếp tục duy trì phong trào trồng cây nhớ Bác trong ngày đầu xuân. Tổ chức tết tại cơ quan, đơn vị với tinh thần tiết kiệm; không mang hoa, quà biếu đến nhà riêng các đồng chí lãnh đạo để chúc tết, giành thời gian nghỉ tết cho gia đình và thăm hỏi họ hàng, người thân và nhân dân.

Yêu cầu các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước không sử dụng công quỹ để biếu xén, quà cáp, thưởng sai chế độ. Những đơn vị được trích quỹ thưởng theo chế độ cho tập thể, cá nhân phải công khai danh sách thưởng và mức thưởng cho toàn cơ quan đơn vị biết. Nghiêm cấm việc lợi dụng lễ, tết để tổ chức liên hoan, ăn uống lãng phí, tham quan, du lịch, lễ hội hoặc sử dụng tiền, tài sản của Nhà nước, của tập thể để biếu, cho, tặng tổ chức, cá nhân không đúng chế độ quy định; không được sử dụng xe công để phục vụ các hoạt động cá nhân. Tổ chức chu đáo việc thăm hỏi Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công với nước và các đối tượng chính sách xã hội khác. Vận động các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống tương thân, tương ái giúp đỡ các gia đình nghèo, người già không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, lang thang cơ nhỡ để mọi người, mọi nhà đều được đón tết, vui xuân; không để gia đình, cá nhân nào ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình không có tết.

2. UBND các huyện, thành, thị; Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo các xã, phường, thị trấn, các trường tiểu

học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp- dạy nghề có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục học sinh, sinh viên và thanh niên thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị số 406/TTg của Thủ tướng Chính phủ về cấm sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán và sử dụng các loại pháo nổ. Các lực lượng công an, quản lý thị trường tăng cường kiểm tra, kiểm soát nghiêm ngặt, phát hiện, thu giữ, tiêu huỷ mọi loại pháo lậu, bảo đảm cho nhân dân vui tết Bình Tuất an toàn, lành mạnh; những trường hợp vi phạm phải được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Công an tỉnh phối hợp với các ngành và chỉ đạo các đơn vị trong ngành xây dựng, triển khai tốt phương án bảo tết nguyên đán Bình Tuất; thực hiện các biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội thường xảy ra trong dịp tết như: truyền bá tài liệu phản động, cờ bạc, mê tín dị đoan...; ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm minh theo pháp luật tệ nạn đua xe trái phép, đốt pháo, gây rối trật tự công cộng, không để xảy ra trọng án trong những ngày tết; phối hợp với các ngành chức năng tăng cường công tác kiểm tra phòng, chống cháy nổ ở các cơ quan xí nghiệp, các khu dân cư tập trung; giữ gìn trật tự giao thông, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông trước, trong và sau tết.

4. Sở Giao thông vận tải chỉ đạo tăng cường hoạt động của các đơn vị vận tải hàng hoá, vận tải hành khách thuộc các thành phần kinh tế, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về lưu thông hàng hoá và nhu cầu đi lại của nhân dân trong dịp tết. Tăng cường kiểm tra an toàn các phương tiện giao thông, tinh thần phục vụ của chủ phương tiện, đảm bảo thuận lợi, văn minh, an toàn, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn giao thông trong dịp tết.

5. Các sở: Thương mại & Du lịch, Tài chính tăng cường chỉ đạo Chi cục quản lý thị trường tỉnh, làm tốt công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, chống sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng. Tổ chức tốt việc lưu thông hàng hoá, các dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch trong dịp tết, đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng hàng hoá, đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng (nhất là vùng sâu, vùng xa) trong dịp tết với giá cả hợp lý, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng; bố trí cán bộ trực tiếp theo dõi giá cả thị trường, phát hiện kịp thời những hàng hoá, dịch vụ tăng giá đột biến, đề xuất biện pháp bình ổn giá theo Chỉ thị số 10/2005/CT-BTC ngày 26/12/2005 của Bộ Tài chính về việc bình ổn giá và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong dịp Tết nguyên đán Bình Tuất.

6. Sở Y tế chỉ đạo và kiểm tra công tác phòng, chống dịch bệnh, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm soát các vùng có dịch cúm gia cầm, bố trí nhân lực và thuốc để chủ động áp dụng kịp thời biện pháp ngăn chặn, xử lý khẩn cấp trường hợp dịch cúm lây lan. Có kế hoạch duy trì hoạt động khám chữa bệnh từ tỉnh đến cơ sở đáp ứng nhu cầu, khám chữa bệnh cho nhân dân. Kiểm soát chặt chẽ thị trường thuốc chữa bệnh, chống thuốc giả. Tăng cường hoạt động của y tế dự phòng, y tế thôn bản đảm bảo yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm

không để ngộ độc, dịch bệnh xảy ra trong dịp tết. Các bệnh viện phải đảm bảo thường trực 24/24 giờ, giải quyết kịp thời việc cấp cứu người bệnh.

7. Điện lực tỉnh Phú Thọ Sở Bưu chính- Viễn thông, Bưu điện tỉnh chỉ đạo các đơn vị đảm bảo các yêu cầu về cấp điện, an toàn điện, nhu cầu về điện cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong dịp tết; bố trí trực ban trong dịp tết để xử lý kịp thời sự cố bất thường về điện có thể xảy ra; giữ vững thông tin liên lạc thông suốt phục vụ tốt sự chỉ đạo điều hành của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

8. Sở Văn hoá- Thông tin phối hợp với Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Thể dục - Thể thao, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Phú Thọ tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của các tầng lớp nhân dân nhất là của thanh thiếu niên. Đảm bảo các hoạt động văn hoá lành mạnh, khơi dậy được các giá trị văn hoá truyền thống của Đất Tổ; ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, đồng bóng, bói toán. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 87/CP của Chính phủ về lập lại trật tự kỷ cương trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hoá; phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh các vi phạm, ngăn ngừa các thủ tục lạc hậu trong dịp tết.

9. UBND các huyện, thành, thị phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm tỉnh tổ chức tốt ngày ra quân trồng cây đầu xuân ở tất cả các cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, các xã, phường, thị trấn và các đơn vị lực lượng vũ trang để mở đầu cho việc thực hiện thắng lợi kế hoạch trồng cây, trồng rừng năm 2006 của tỉnh. Phải huy động tất cả các tầng lớp nhân dân tham gia để ngày ra quân trồng cây đầu xuân trở thành ngày hội của quần chúng. Đồng thời chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai kế hoạch sản xuất vụ chiêm xuân, chủ động phòng chống sâu hại, dịch bệnh và chống rét đậm, rét hại cho mạ, gia súc, gia cầm; đảm bảo cấy hết diện tích, đúng tiến độ trong khung thời vụ. Các doanh nghiệp tùy theo điều kiện bố trí sản xuất hợp lý, an toàn trong dịp tết; chuẩn bị đầy đủ điều kiện để đảm bảo duy trì sản xuất trước và sau tết, tạo khí thế lao động tích cực ngay từ đầu năm.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị có kế hoạch chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này và thường xuyên báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về UBND tỉnh. Ngày 03/02/2006 (tức ngày 06 tháng Giêng năm Bính Tuất) các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị có báo cáo tổng hợp (bằng văn bản) tình hình trước, trong và sau tết về UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo Chính phủ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Ngô Đức Vượng (đã ký)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2006/CT- UBND

*Việt Trì, ngày 23 tháng 01 năm 2006*

## **CHỈ THỊ**

### **Về việc tăng cường công tác quản lý lễ hội mùa xuân năm 2006 trên địa bàn tỉnh**

Thời gian qua, công tác quản lý các lễ hội mùa xuân trên địa bàn tỉnh đã có nhiều tiến bộ. Nội dung các lễ hội đã chú trọng kết hợp giữa tổ chức các hoạt động truyền thống và hiện đại, tạo ra không khí vui tươi, phấn khởi động viên các tầng lớp nhân dân trong tỉnh hăng hái thi đua lao động, sản xuất, xây dựng quê hương, đất nước. Các cấp, các ngành, Ủy ban Mặt trận T quốc và các đoàn thể nhân dân đã tích cực, chủ động phối hợp với ngành Văn hoá - Thông tin tăng cường công tác quản lý Nhà nước; vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh tại các lễ hội.

Tuy nhiên, tại một số lễ hội, nhất là các lễ hội lớn vẫn còn tình trạng: bán hàng rong; ép giá khách; hành nghề mê tín dị đoan; người lang thang cơ nhỡ v... đã ảnh hưởng đến môi trường văn hoá lành mạnh, gây mất trật tự, trị an tại các lễ hội.

Để tăng cường công tác quản lý, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác tổ chức các lễ hội mùa xuân năm 2006 trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là lễ hội du lịch về nguồn và lễ hội Đền Hùng, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu:

#### **1. Sở Văn hoá - Thông tin:**

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước, phối hợp với các ngành liên quan đẩy mạnh việc hướng dẫn, kiểm tra tổ chức lễ hội mùa xuân năm 2006 tại các địa phương, cơ sở; phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước trong việc tổ chức lễ hội.

#### **2. Khu di tích lịch sử Đền Hùng**

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao trên địa bàn quản lý; phối hợp với các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao kiên quyết không để xảy ra tình trạng: bán hàng rong, ép giá khách, hành nghề mê tín dị đoan, tình trạng người lang thang cơ nhỡ và các trò chơi mang tính chất đánh bạc tại Khu di tích lịch sử Đền Hùng;

- Xây dựng phương án đảm bảo vệ sinh môi trường tại Khu di tích trong dịp lễ hội Đền Hùng năm 2006; nghiên cứu, đề xuất xây dựng, cải tạo sửa chữa một số

công trình vệ sinh phù hợp với cảnh quan Khu di tích; kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện nước, đảm bảo đáp ứng nhu cầu nhân dân về dịp lễ hội;

- Khẩn trương phối hợp với các ngành liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì và các huyện: Lâm Thao, Phù Ninh; các xã vùng ven Khu di tích xây dựng và triển khai phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trong dịp lễ hội Đền Hùng năm 2006.

3. Công an tỉnh chỉ đạo Công an các huyện, thị, thành tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tại các lễ hội; phối hợp với Sở Văn hoá - Thông tin, Khu di tích lịch sử Đền Hùng và các ngành liên quan xử lý kịp thời, kiên quyết các hành vi vi phạm quy định trong tổ chức lễ hội, nhất là các vi phạm về bán hàng rong, ép giá khách, hành nghề mê tín dị đoan và hoạt động tôn giáo trái phép tại Khu di tích lịch sử Đền Hùng.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các cấp, các ngành liên quan, tăng cường lực lượng, xử lý, thu gom kịp thời, không để xảy ra tình trạng người lang thang cơ nhỡ tại các lễ hội trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là tại lễ hội Đền Hùng.

5. Sở Thương mại và Du lịch tăng cường công tác quản lý thị trường, quản lý giá cả, không để hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng lưu thông tại các lễ hội; tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc niêm yết giá và bán hàng theo giá niêm yết đối với các cơ sở kinh doanh - dịch vụ tại lễ hội Đền Hùng.

6. Báo Phú Thọ, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh tại các lễ hội, kịp thời đưa tin những địa phương, cơ sở tổ chức tốt lễ hội, cũng như tạo dư luận lên án những hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước trong việc tổ chức lễ hội và tham gia hoạt động dịch vụ trái phép tại các lễ hội.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể của tỉnh tăng cường công tác vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia hưởng ứng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", thực hiện nếp sống văn minh tại các lễ hội và tham gia các hoạt động dịch vụ tại các lễ hội theo đúng quy định của Nhà nước.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các lễ hội mùa xuân năm 2006 trên địa bàn địa phương, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về tổ chức lễ hội; không để xảy ra tình trạng: bán hàng rong, hành nghề mê tín dị đoan, thu tiền vào lễ hội, xâm hại, lấn chiếm di tích, xây dựng trái phép các cơ sở thờ tự nhằm mục đích thu lời bất chính, phá hoại cảnh quan và làm ô nhiễm môi trường trong khu vực lễ hội, di tích và danh



lam, thắng cảnh. Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì và các huyện: Lâm Thao, Phù Ninh chỉ đạo các Ủy ban nhân dân các xã vùng ven Khu di tích lịch sử Đền Hùng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nhân dân địa phương nêu cao ý thức bảo vệ, giữ gìn Khu di tích lịch sử và rừng quốc gia Đền Hùng; không tham gia hoạt động dịch vụ trái phép tại lễ hội Đền Hùng.

Yêu cầu các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này và thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Kim Hải (đã ký)**